



## BẢN TIN THẾ ĐẠO

### Thông Tin - Phổ Truyền Giáo Lý Đạo Cao Đài

Bản Tin Thế Đạo do Ban Thế Đạo Hải Ngoại chủ trương mỗi tháng một số nhằm mục đích phổ biến tin tức đạo sự và phổ truyền giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh. Đồng thời cũng thông tin truyền bá những bài giảng của các vị Tiên Bối Khai Đạo cho thế hệ hậu tấn hiểu về Đạo Cao Đài.

Ngoài ra, cũng nhằm mục đích giới thiệu phổ quát về Đời Sống - Sức Khỏe - Văn Học - Nghệ Thuật và Khoa Học ... trong cuộc sống con người. Cho nên, Bản Tin Thế Đạo rất được mong sự yểm trợ bài vở của quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ trong và ngoài Ban Thế Đạo.

Bài vở bao gồm: Thơ, Truyện ngắn, những tin tức từng địa phương Đạo Cao Đài nơi hải ngoại.

Mọi bài vở xin gửi về Ban Chủ Trương Bản Tin Thế Đạo.

#### BAN CHỦ TRƯỞNG

Chủ Nhiệm

Hoàn Nguyên

Email: [tnndk4@gmail.com](mailto:tnndk4@gmail.com)

(408) 823 - 6044

Chủ Bút

Hưng Quốc

Email: [trivho@yahoo.com](mailto:trivho@yahoo.com)

(972) 978 - 6091

Tổng Thư Ký

Duy Văn

Email: [duyvan2011@gmail.com](mailto:duyvan2011@gmail.com)

(408) 759 - 9339

Trưởng Trang Vườn Thơ Thế Đạo

Yên Hà

Email: [usv\\_markdovo@yahoo.com](mailto:usv_markdovo@yahoo.com)

(770) 377 - 9264

## TRONG SỐ NÀY

01. Ban Chủ Trương & Trong số này.

02. Đức Phật Mẫu - Đức mẹ trong Đạo Cao Đài.

(Trung Dung Đạo)

09. Nho Giáo trong Giáo Lý Cao Đài - Đạo Cao Đài  
Nho Tông Chuyển Thế.

(HT Nguyễn Đăng Khích Biên Soạn)

30. Công Nghiệp của Đức Lý Giáo Tông - Lễ Vía ngày  
18 tháng Tám Âm lịch hàng năm.

(Hoàn Nguyên Biên Soạn)

35. Vườn Thơ Thế Đạo. (HT Võ Ngọc Độ & HT Trị)

40. Phiếm Luận.

Đức Khổng Tử nói về mình. (Đỗ Chiêu Đức)

46. Về đẹp Truyền Thống của Tết Trung Thu trong văn  
hóa Việt. (Trần Tâm Di - Hân Bình Biên Dịch)



# ĐỨC PHẬT MẪU

## ĐỨC MẸ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

### ĐỨC PHẬT MẪU LÀ AI?



Hình tượng Đức Phật Mẫu trong Đạo Cao Đài

Thuở nguyên thủy chưa có Càn Khôn Vũ Trụ thì trong khoảng không gian bao la chỉ có một khí Hồng Mông còn hỗn độn, mờ mờ mịt mịt, gọi là Khí Hư Vô hay Hư Vô chi Khí.

Khí Hư Vô ấy lần lần ngưng kết, nổ ra một tiếng lớn, tạo thành một khối Đại Linh quang, hào quang chiếu diệu rực rỡ, gọi là Thái Cực, hay là Đại hồn của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế (mà chúng ta thường gọi là Đức Chí Tôn).

Đấng ấy được sanh ra đầu tiên hơn hết, trọn lành trọn tốt, toàn năng toàn tri, biến hoá vô cùng.

Theo Thánh giáo của Đức Chí Tôn, khởi thủy của Càn Khôn Vũ Trụ là Hư Vô chi Khí (tức là ĐẠO). Khí Hư Vô mới sanh ra một Đấng duy nhất là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, và ngôi của Ngài là Thái Cực (tức là khối Đại Linh Quang). Đức Chí Tôn mới phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi: Dương quang và Âm quang. Đức Chí Tôn chưởng quản Dương quang. Đức Chí Tôn hóa thân ra làm một Đấng khác gọi là Phật Mẫu để chưởng quản Âm quang.

Như vậy, nguồn gốc của Phật Mẫu có từ Đức Chí Tôn, và Đức Phật Mẫu chỉ là một hóa thân của Đức Chí Tôn chưởng quản ngôi hai Đức Chí Tôn chưởng quản ngôi thứ nhất.

Sau đó, Đức Phật Mẫu thuần lần Sanh quang của ngôi Thái Cực, rồi đem Dương quang phối hợp với Âm quang để tạo thành Càn Khôn Vũ Trụ và vạn vật. Do đó, Đức Phật Mẫu mới thực sự là Đấng Tạo ra thế giới hữu hình. Nhiệm vụ này có được là do Đức Chí Tôn ban cho.

Trong bài Tán Tụng công Đức của Đức Phật Mẫu có câu: “Kể từ hỗn độn sơ khai, Chí Tôn hạ chỉ trước đài Linh Tiêu .Lưỡng nghi phân khí hư vô Diêu Trì Kim Mẫu nung lò hoá sanh...”

Khi mở Đạo Cao Đài, Chí Tôn định cho Phật Mẫu đến giáo đạo cho chúng ta, bảo trọng nuôi nấng, dạy dỗ chúng ta, thì không có ân đức nào bằng, vì không ai biết thương con hơn MẸ.

Phật Mẫu là Chủ Âm quang, Chí Tôn là Chủ Dương quang. Âm Dương tương hiệp, Đạo Cao Đài nương theo năng lực của hai khối Âm Dương đó. Đối với năng lực tạo đoan Càn Khôn Thế Giới thế nào thì Đạo Cao Đài ngày kia sẽ có năng lực như thế đó.” (Trích Thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, Quyển 1 trang 70).

## **DANH XƯƠNG PHẬT MẪU TRONG CÁC TÔN GIÁO**

Đức Phật Mẫu được nơn loại gọi bằng nhiều danh từ khác nhau, tùy theo tôn giáo và địa phương.

Ở Trung Hoa và Việt Nam, Đức Phật Mẫu được gọi bằng các danh từ, kể ra sau đây:

- Diêu Trì Kim Mẫu - Thiên Hậu
- Kim Bàn Phật Mẫu - Mẫu Hậu
- Phật Mẫu Diêu Trì - Địa Mẫu
- Cửu Thiên Huyền Nữ - Đức Mẹ Thiêng liêng
- Cửu Thiên Nương Nương - Mẫu Nghi
- Tây Vương Mẫu - Mẹ Sanh.

## **ĐIÊN THỜ PHẬT MẪU**

Trong cửa Đạo Cao Đài có hai Đền Thờ:

Một Đền Thờ Ngôi Dương (Đức Chí Tôn) ta ngó thấy trật tự hàng ngũ đầy đủ phẩm tước từ thấp đến cao, Đó là Cửu phẩm Thần Tiên Của Tam giáo là Phật Thánh Tiên . Còn một Đền Thờ nữa, thờ Phật Mẫu tức là Ngôi Âm, thì bình đẳng với đạo phục

màu trắng. Đức Phật Mẫu không muốn chức sắc Thiên phong mặc áo mao đi đến Đền Thờ của Người và Người nhứt định không chịu điều ấy, vậy phẩm tước và giai cấp đối với Phật Mẫu không có giá trị, vì Phật Mẫu không muốn đũa nào áp bức đũa nào cả, hành tàng như vậy bị tiêu diệt.

Việc Đạo Cao Đài thờ Hai Ngôi: Ngôi Dương là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế và Ngôi Âm là Đức Diêu Trì Kim Mẫu, với đầy đủ kinh kệ và nghi tiết, là một hình thức vô cùng mới mẻ về phương diện Giáo lý và Triết lý mà các nền tôn giáo trước đây chưa từng có. ( *Thuyết Đạo QI*).

Một điều đáng lưu ý trong Ngôi thờ Đức Phật Mẫu có sắp đặt Bàn thờ ngoại nghi dành cho các chơn linh của các vị Tiên bối Thiên phong đánh lễ Đức Phật Mẫu. Câu hỏi như vậy mỗi năm các vị tiên khai Thiên phong đều trở lại Điện thờ Phật Mẫu đánh lễ?

Ngôi thờ hiện tại là Báo Ân Từ thờ tạm Ngôi thờ của Đức Phật Mẫu sẽ thành lập sau này sơ đồ xây cất đã có sẵn. Sau khi lập xong Điện thờ Phật Mẫu trung ương Báo Ân Từ sẽ là nơi thờ phượng các vị anh hùng dân tộc các bậc vĩ nhân thế giới và các vị Thánh tử đạo.

## **QUYỀN NĂNG CỦA ĐỨC PHẬT MẪU**

Chủ âm quang tạo ra thế giới hữu hình

Chủ âm quang thường tưng thiên mạng

Chưởng quản Kim bàn Phật Mẫu Diêu Trì (Phật Mẫu chơn kinh)

Chưởng quản vườn đào. Trên Diêu Trì Cung có vườn Đào Tiên Phật Mẫu dùng để ban thưởng cho những chơn linh đắc đạo.

Tận độ Nhơn sanh nhứt là 92 ức nguyên nhân

Chưởng quản Tạo Hoá Tiên theo kinh Di Lạc

Quyền làm Mẹ vạn linh Mẹ của bát hần

Tại sao quyền hành của Đức Phật Mẫu nhỏ hơn Đức Phật Di Lạc Hay Nhiên

## Đăng Cổ Phật

Nghi thức thờ cúng trong Điện thờ Phật Mẫu theo sự sắp đặt của Đức Hộ Pháp lấy sự tích Hồn rước Diêu Trì.

Những người bị tội Tận đọa Tam đồ bất năng thoát tục, hay bị Ngũ Lôi tru diệt, cũng nhờ Đại Ân Xá này mà được Đức Phật Mẫu cho huân lại Chơn linh và Chơn thần đặng tái kiếp lập công chuộc tội.

Theo ý Bàn Đạo tưởng, cái gì thuộc về xác thịt thi hài này đều do Phật Mẫu đào tạo cả, Đức Đại Từ Phụ duy làm Cha của Chơn Linh chúng ta mà thôi.

Như Cha Mẹ phạm trần, ông cha ban cho duy nhứt điểm tinh, còn huyết khí do bà mẹ đào tạo mà có. Đức Chí Tôn còn ban cho nhứt điểm linh, phần tạo nên trí não và xác thịt của ta ra hình tướng là do tay của Phật Mẫu.

Hai cái quyền ấy rất cao trọng, hễ khôn ngoan muốn cầu xin cho được siêu thoát linh hồn thì không ai hơn Đức Chí Tôn, còn về phần xác thịt nếu đau đớn khổ sở mỗi mỗi cái đều xin Mẹ thì chắc hơn hết. Có nhiều điều ta đến xin với Mẹ thì Mẹ cho chớ xin Cha thì không đặng, phải vậy không ?

Nhứt là nữ phái tâm hồn phải nương theo Phật Mẫu một cách mạnh mẽ hơn nữa hoặc sanh con cũng được mạnh giỏi hoặc chính thân thể mình không được tráng kiện hoặc đức tin còn yếu ớt sao không đến xin Mẹ, chỉ có Mẹ mới đủ quyền năng ban ơn ấy cho. Còn như mấy em nhỏ đã có vợ chồng thì nên phụng sự Đức Mẹ mà cầu xin cho sinh đặng con tốt, cho đấng nào đến nơi cửa của mình sẽ là một Chơn Linh cao siêu, đó là biết khôn đó chớ, nếu mà chúng ta quả quyết có điều ấy thì tự nhiên có như vậy.

Bàn Đạo vẫn thấy nữ phái còn lạnh nhạt điều ấy lắm. ( *Thuyết Đạo QII / tr 36* )

Đức Hộ Pháp giải nghĩa 2 câu kinh 1 & 2 như sau:

‘Tạo Hoá Thiên huyền vi Thiên Hậu

Chương Kim Bàn Phật Mẫu Diêu Trì’ (Phật Mẫu chơn kinh)

“Tầng Trời thứ 9 gọi là Cung Tạo Hóa Thiên, có vị cầm quyền năng tạo đon gọi là Thiên Hậu, nắm cả Kim Bàn, tức là nắm đẳng cấp Thiêng liêng điều khiển Chơn linh, gọi là Phật Mẫu Diêu Trì”

## HỘI YẾN ĐIỀU TRÌ

“Hội Yến Điều Trì là cơ quan đặc Đạo tại thế. Đức Kim-Mẫu cùng Cửu Vị Nữ Phật đã giáng trần Hội Yến với chư Chưc Sắc, xướng họa thi phú và dạy Đạo. Ấy là Hội Chư Tiên tại thế.(Đức Hộ Pháp thuyết ngày 30/01/1947)

Cái nghĩa lý sâu xa ấy chúng ta thử để dấu hỏi tại sao Đức Chí Tôn đã đến bảo chúng ta Hội Yến Điều Trì, Ngài muốn gì đó ? Muốn cho toàn cả con cái của Ngài, chớ không phải với ba người đó mà thôi.

**Đạt cơ siêu thoát**, tức nhiên ta nói thường ngữ của chúng ta là muốn cho toàn thể con cái của Ngài đạt đặng cơ siêu thoát đó vậy.Vì cơ cho nên hôm rồi Bàn Đạo có nói một câu rất chánh đáng :**Xưa kia con người đi tìm Đạo, còn hôm nay trái lại Đạo đến tìm người.**

Đức Chí Tôn giao cho Đức Phật Mẫu nắm quyền hành để rước hết những chơn hồn khi đã đạt pháp tức nhiên đạt cơ siêu thoát, lập vị mình đặng vào cái địa vị Thiêng Liêng, đạt đặng thì phải về Hội Yến cùng Đức Phật Mẫu, lễ Điều Trì Cung Hội Yến mà người ta gọi là hội, nhưng thật ra chúng ta về hội hiệp vui cùng Mẹ sanh của chúng ta đó vậy.

Đạo pháp gọi là ‘ **Hội Yến Điều Trì** ‘ tức nhiên chúng ta đã đạt đặng cơ siêu thoát nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống kia, chưa biết nếu chúng ta không tu thì con đường ấy là gì mà về chớ !

Chính mình Đức Chí Tôn biểu Đức Phật Mẫu tức nhiên Mẹ sanh của chúng ta cầm cả quyền năng giải thoát trong tay đến lập Hội Yến Điều Trì tại mặt thế này và cả con cái của Ngài, nhứt là 92 ức nguyên nhân ấy, **nếu nhập vào cửa Đạo từng theo chơn pháp thì đặng hồng ân của Đức Chí Tôn cho hưởng cái Bí Pháp Hội Yến Điều Trì tại thế này.** Cái cơ quan siêu thoát thiên hạ đã đặt trong tay họ sẵn, tức nhiên giờ phút cuối cùng là giờ phút chết của họ, thì họ đạt vị một cách dễ dàng,như vậy ngôi vị mà cơ quan siêu thoát của Đức Chí Tôn đã cho không họ đó vậy.

Nhờ đó mà cơ quan tận độ vạn linh của Đức Chí Tôn đã lập tại thế này, từ đây sẽ mở rộng cửa Thiêng Liêng Hằng Sống đặng đến gom góp cả con cái của Ngài, trở về hội hiệp cùng Ngài, bí pháp Hội Yến Điều Trì là vậy đó .( *Thuyết Đạo Q.IV / tr 54*)

## GẶP ĐỨC PHẬT MẪU SAU KHI CHẾT

Khi chúng ta về đến Tầng trời thứ chín là Tạo Hoá Thiên vào kiến diện Đức Phật Mẫu, ngó lên một cái Ngai sẽ thấy mặt Bà Mẹ ta, sanh ta đương như buổi sống.. Bà Mẹ hình hài chúng ta đây là nhơn viên của Đức Phật Mẫu.

Phật Mẫu đã giao quyền năng tạo đóa trong tay đó vậy. Cõi chùng đùng thất hiếu với Cha Mẹ. Ngày mình ngó thấy hình ảnh của Đức Phật Mẫu thì thấy người Mẹ hơn từ, hiền hậu vô cùng, hạnh phúc mình được hưởng đó. Trái ngược lại, nếu ta thất hiếu thì dòm vào hình ảnh của Phật Mẫu, ta thấy nét mặt nghiêm nghị và lãnh đạm, chúng ta sẽ hết sức đau khổ. Nơi cảnh này chúng ta muốn cái gì sẽ được cái nấy. Nếu mình chưa thỏa mãn trong mấy ngàn kiếp sanh trước, thì khi về đến Phật Mẫu được, chúng ta muốn cái gì nó sẽ hiện ra để chúng ta thỏa mãn cái tinh thần, cũng như cái hạnh phúc ở thế gian vậy. Ở đây là ngôi nhà chung của vạn linh chúng ta sẽ gặp tất cả những người thân thuộc nào mà chúng ta muốn.

**Hội Yến Diêu Trì là một Bí pháp đọa Đạo:**“....Từ khi Đạo bị bế Ngọc Hư Cung bác luật, Cực Lạc Thế Giới thì đóng cửa nên chúng sanh toàn cả Càn Khôn Vũ Trụ có tu mà thành thì rất ít, bởi phương pháp khó khăn lắm, muốn đạt pháp thì không phải dễ. Cổ pháp định cho Chơn hồn về nơi Diêu Trì Cung, hưởng được Hội Yến Bàn Đào tức nhiên hưởng được Hội Yến Diêu Trì, ăn được quả đào Tiên, uống được Tiên tửu mới nhập vô cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống gọi là nhập tịch. Ôi thôi! Từ thử đến giờ có ai đặng hưởng nếu có đặng hưởng cũng một phần rất ít.

Giờ phút này Đức Chí Tôn quyết định tận độ con cái của Ngài, thay vì Bí Pháp ấy độ con cái của Ngài về nơi Kim Bàn Phật Mẫu đặng hưởng đặc ân thiêng liêng của Đức Chí Tôn. Đức Chí Tôn buộc Phật Mẫu phải đến tại thế gian này để Bí Pháp Hội Yến Diêu Trì tại cửa Đạo này cho con cái của Ngài giải thoát, ấy là một Bí Pháp Thiêng Liêng duy có tay Ngài định pháp ấy mới đặng. Hôm nay là ngày Phật Mẫu đem Bí Pháp đặng giải thoát chúng sanh, tận độ toàn Vạn linh sanh chúng. Ngài để tại mặt thế này trong cửa Đạo này mà thôi....” (Trích Lời Thuyết Đạo Đức Hộ Pháp ngày rằm tháng 8 năm Kỷ Sửu (1949)

Như vậy nếu Hội yến Diêu Trì chỉ tổ chức ở Thượng giới cõi vô hình chúng sanh không thấy không nhớ không biết nên không có niềm tin vào Đạo. Do đó Đức Chí Tôn cho phép Đức Phật Mẫu tổ chức tại thế gian để nhắc nhở gọi lại hình ảnh cũ mà thức tỉnh nhập môn vào cửa Đạo tu hành đạt vị. Đây là một hồng ân mà Đức Chí Tôn ban cho trong thời Đại Ân Xá ngàn năm có một.

## KẾT LUẬN

Đức Phật Mẫu là hoá thân của Đức Chí Tôn (Ngọc Hoàng Thượng Đế) Chưởng

quản ngôi âm hay là âm quang phối hợp với dương quang của Thượng đế mà tạo ra Càn Khôn Vũ Trụ. Tạo ra các vì tinh tú, trời đất vạn vật và cả con người cùng Thần Thánh Tiên Phật gọi chung là vạn linh. Lãnh lĩnh Đức Chí Tôn độ 92 ức nguyên nhân và toàn thể nhân loại qui hồi cựu vị. Lập Hội yển Diêu Trì tại thế thay vì ở thiên đình do Đức Chí Tôn cho phép để nhắc nhở các nguyên nhân nhớ lại căn kiếp mà lo tu hành giải thoát và ban thưởng cho những chơn linh đạt đạo.

Đóng địa ngục mở tầng thiên giáo hóa chúng sanh tu hành giải thoát.

Ngự tại tầng trời thứ chín là Tạo Hoá Thiên

Tạo lại chơn thân cho những vong linh tự vận hoặc phạm thế.

Tạo chơn thân hay đệ nhị xác thân cho nhân loại.

Làm Mẹ vạn linh là vạn vật con người và Thần Thánh Tiên Phật.

Khai mở Đạo Cao Đài. Đây là một giáo lý mới mẻ nói rõ xuất xứ và quyền năng cũng như nhiệm vụ của Đức Phật Mẫu được thể hiện qua nghi thức thờ cúng đặc biệt mà từ trước tới nay chưa có tôn giáo nào thực hiện như thế.

## Trung Dung Đạo





# Nho giáo trong Giáo lý Cao Đài

## Đạo Cao Đài Nho Tông Chuyển Thế

### \*Phần dẫn nhập

Các tôn giáo lớn như Phật giáo, Lão giáo . . . thường chú trọng thuần về tín ngưỡng và vạch ra con đường giải thoát kiếp nhân sinh đau khổ; nói rõ hơn đặt trọng tâm về đời sống tâm linh hơn là đời sống bình thường của con người. Khác với chủ trương nêu trên, Nho giáo là một đạo giáo, một triết thuyết đa diện nhất, nghiên cứu trên nhiều lãnh vực như



*Đức Khổng Tử*

luân lý, gia đình, xã hội, chính trị, tín ngưỡng, học thuật, khoa cử, thuật số, tu dưỡng, đạo đức . . . Các lãnh vực này bao gồm trong các bộ sách Tứ Thư, Ngũ Kinh, được Đức Khổng Tử san định bổ khuyết và các học trò nối chí khai thác bổ sung truyền đạt tích cực cho hậu thế suốt hơn thiên niên kỷ sau khi Đức Ngài mất. Thời cực thịnh của Nho giáo phải kể đến đời nhà Tống và Minh nước Trung Hoa, tức đến thế kỷ thứ 15 và đạo Nho đã được truyền sang các nước lân cận như Triều Tiên, Nhật bản, Việt Nam...

Chính vì Đạo Nho mệnh mông nhiều lãnh vực như thế mà xưa nay có nhiều người nhận định chủ quan khác nhau về Đạo Nho. Phần nhiều cho rằng Nho giáo là đạo nhập thế, thiên về chính trị; kẻ thì cho rằng Nho giáo chỉ chú trọng đến luân lý cang thường . Người thì cho rằng Nho giáo chỉ biết dạy về Nhân Đạo, tức là dạy

con người sống cho xứng đáng nhân phẩm, chứ không dạy con người trở thành Thánh Hiền.

Đó là cái nhìn phiến diện do xã hội đổi thay, phần tinh hoa và tâm truyền Nho học lu mờ kể từ đời Tần và Hán nước Trung Hoa. Đời vua Tần Thủy Hoàng đã đốt sách, chôn sống học trò, bọn Hán Nho xiểm nịnh cầu vinh sửa cải sách vở làm vừa lòng các vua chúa bá

đạo, làm suy yếu đạo Nho. Do đó về sau nói đến Nho giáo chỉ còn có cái học từ chương để tiến thân trên đường công danh quan lộ, ngay cả có những Nho sĩ chân chính cũng không rõ thông được đạo thống Trung Dung, đạt Nhân, Trí, Dũng chí thiện để phối Thiên trở thành Thánh Hiền.

Tu thân tâm để trở thành Thánh Hiền thì Nho giáo cũng rất cao siêu như Phật và Lão giáo, nhưng rất tiếc do thời thế cấp bách loạn lạc, sanh chúng đồ thán nhiều nhưng thời Đông Châu Liệt quốc, Đức Khổng chú trọng dạy nhiều về Nhơn Đạo để cải thiện con người và cải thiện xã hội. Còn phần đạo thống Trung Dung, hành trì chí nhân chí Thiện, đạt Nhân-Trí-Dũng để thành Thánh Hiền, thì Ngài chỉ tâm truyền cho các đại đệ tử, sản sanh nhiều danh Nho thâm thấu được và trình bày trong các bộ sách Tứ Thư và Ngũ Kinh truyền lại sau này.

Trong bài viết ngắn gọn này, người viết chỉ đưa ra một cách tổng quát về Tinh Hoa của Đạo Khổng và phần Tinh Hoa Đạo Nho được Đạo Cao Đài phục hưng lại gọi là Nho Tông chuyển thế.

## **I.-Tinh hoa Nho giáo**

Theo học giả Nhân Tử Nguyễn văn Thọ trong **Tinh Hoa Nho giáo qua Tứ Thư và Ngũ kinh**, nếu tạm gác những vấn đề luân lý, chính trị thông thường qua một bên, ta có thể tóm lược những tư tưởng nòng cốt đề cập trong Tứ Thư, Ngũ kinh như sau:

### **1.- Trời là chủ thể vạn vật**

Tứ Thư, Ngũ Kinh luôn đề cập đến Thượng Đế

### **2.- Trời là thực thể cho muôn loài:**

-làm chủ chốt mọi biến hóa và

-căn nguyên mọi hiện tượng

-được cụ thể hóa bằng vòng Dịch mà tâm điểm là Thái Cực, tượng trưng cho Trời Đất bất biến, các hào quái bên ngoài tượng trưng cho muôn vàn hiện tượng biến hóa.

Đó là quan niệm Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể của Nho giáo

**3.-Trời, Người quan hệ hết sức mật thiết với nhau.** Nho gia chủ trương: “ Thiên Nhân tương dưỡng; Thiên Nhân hợp nhất”

### **4.- Trời luôn ẩn áo, ngự trị trong lòng con người**

Thiên Mệnh, Thiên Lý, Thiên Đạo “một giây, một phút không rời khỏi ta” và chính là Bản tính con người, là cốt cách con người.

Trong tâm hồn con người ngoài nhân tâm nghiêng ngửa, còn có đạo tâm siêu vi, tiềm ẩn.

**5.- Mọi người phải học hỏi để tìm cho ra Bản tính Chí thiện, cốt cách căn nguyên ấy.**

Tìm ra được là Trí Tri, là đi tới cùng cực của sự hiểu biết.

## **6.- Muốn tìm Đạo Trời phải tìm nơi đáy lòng**

Vì Bản Tính con người có Thiên Lý , Thiên Đạo tiềm ẩn đáy lòng, nên muốn tìm ra Bản Tính, Thiên Đạo, cần phải quay về lòng mình mà tìm, cần phải hồi Tâm, tĩnh Trí, tránh phóng đãng, phải tập trung tư tưởng, miệt mài suy tư mới thành công.

## **7.- Phải biết :”Kính cẩn” “Khử nhân dục”, “Tồn Thiên Lý”, hoàn thiện mình để kết hợp với Trời**

Khi đã tìm thấy Đạo, thấy Trời ẩn áo ngự trị trong lòng mình, con người phải “Kính cẩn” “cố gắng hoàn thiện mình”, noi theo gương Trời, rũ bỏ mọi tình ý riêng tây, vượt khỏi nhỏ nhen ti tiện để sống kết hợp với Trời. Đó là “Phối Thiên”, là cực điểm tiến hóa của con người, là đạt tới **Trung Hòa**, trung tâm huyền diệu của vũ trụ và con người.

## **8.- Trong công cuộc Tu Thân, cần phải luôn luôn cố gắng công trình, luôn luôn học hỏi suy tư.**

Học cho biết mình, biết người, biết định luật vũ trụ, thời thế xuất xử, cho hợp thời hợp cảnh. Đó là **Thời Trung**.

Học thuyết của Đức Khổng chính là dạy con người tìm ra Chân, Thiện, Mỹ cao minh bất biến, đạt tới Trung Đạo, Thiên Đạo. Chưa đạt mức Chí Thiện, chí Thành thì kẻ sĩ không dừng lại.

## **9.- Đạo Trời có Âm, có Dương thì đạo người cũng có 2 chiều: tinh thần và vật chất.**

Người phải thu xếp thời gian đời mình sao cho vẹn vẻ đôi bề. Nửa đời đầu cố học hỏi phát triển khả năng, tích cực vào đời để mưu sinh tạo sự nghiệp, tô điểm giang sơn.

Nửa đời sau, khi xong chuyện thế sự êm đẹp, hãy quay về Đạo để tu luyện bản thân, cho nên chí thiện chí thánh để kết hợp với Trời.

Đó là ý nghĩa cuộc đời theo Tứ Thư và Ngũ Kinh.

## **10.- Cải thiện mình rồi, lại phải lo cải thiện người khác. Đó là Trung Thứ.**

## **11.- Đạt tới mức chí Thành chí Thiện lại có công cải thiện muôn dân, sẽ được mệnh danh là Thiên Tử, là Hoàng, là Đế.**

Đó là danh hiệu mà người xưa xưng tặng cho các Thánh Vương như Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu Thuấn, Văn Võ.

Những tư tưởng cao trọng trên, theo thời gian đã bị trần thế lãng quên che lấp hết.

Thậm chí tước vị Thiên Tử, Hoàng Đế, thay vì tôn xưng người có đức độ sánh bằng Trời

Đất, lại đem suy tôn cho bất cứ vua chúa bất xứng nào.

## II.-\*Tại sao Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn Chủ trương NHO TÔNG CHUYỂN THỂ

Tôn chỉ của Đạo Cao Đài là Tam giáo qui Nguyên và Ngũ chi phục nhứt.

Tam giáo bao gồm ba tôn giáo chính là Phật giáo, Tiên giáo và Nho giáo.

Cả ba đều rất quan trọng trong việc tu hành trong từng giai đoạn của tín đồ Cao Đài.

Đặc biệt, Đức Chí Tôn chọn chơn tướng Nho tông để chuyển thể mà không chọn Phật tông hay Tiên tông chuyển thể.

Điều này đã được Đức Hộ Pháp thuyết giảng khi đến khai giảng Hạnh Đường Phước Thiện ngày 2/5 Tân Mão (1951):

*“Tại sao Tam giáo qui nhứt Thích, Đạo, Nho nghĩa là Phật, Tiên, Thánh, mà sao không lập Hội Phật Tông chuyển thể hay Tiên Tông chuyển thể, lại lấy Đạo Nho lập thành Hội Thánh mà Chí Tôn đến khai Đạo kỳ này lại dùng Nho tông chuyển thể..”*

-Lý do là không có nền tôn giáo nào dạy Nhơn đạo hay đạo Nhơn luân kỹ lưỡng, đầy đủ chi tiết mọi góc cạnh đạo làm người sống trong xã hội như Nho giáo đã dạy.

### **Nho tông chuyển thể là gì?**

Nho: Đạo Nho, Tông hay Tôn là tôn giáo

Chuyển: làm cho thay đổi; Thế: đời, cuộc đời. Chuyển thể là làm cho đời thay đổi từ xấu ra tốt, từ loạn ra trị, từ đời hung bạo thành hiền lương đạo đức.

Đức Hộ Pháp đã giảng giải về Chuyển thể như sau:

*“Theo Triết lý học, định nghĩa chữ Chuyển thể là thay đổi thời đại hiển nhiên ra thời đại khác, hoặc không phù hợp, hoặc quá khuôn khổ nề nếp, nên quyết đoán lập trường Thiên liêng vì thời đại này đã định.*

*Chuyển thể là sửa đổi cũ ra mới.*

*Lấy nghĩa lý đã định hẳn ra, tức nhiên chúng ta nhận thấy các khuôn luật đạo đức từ trước đến giờ để lại đều bị biếm trách cả, bởi vì đời quá hung tàn bạo ngược, vô nhân luân, tinh thần đạo đức không qui định, tâm lý loài người không tương quan cùng nhau, mất cả luật đồng sanh làm căn bản của loài người. Luật đồng sanh dường như bị hủy bỏ, bởi thấy tấn tuồng trước mắt, nào giặc giã chiến tranh, giành sống mà giết hại lẫn nhau, oán kết thâm thù, loài người do nơi ấy mà biến sanh tàn ác.*

*Cái phương sanh sống đến một giai đoạn rất khó khăn và chúng ta thử xét đoán trong các kinh điển đạo giáo đã để lại là : Mưa dầu nắng lửa. Trận mưa dầu nắng lửa sẽ có hiện tượng y như trong kinh đã nói.*

*Cũng vì sự sanh hoạt khó khăn mà nhân loại giết hại lẫn nhau. Đời sống đến giai đoạn khó khăn hơn nữa; những phẩm vật nuôi sống loài người giảm bớt thì Nhơn loại càng quyết liệt chiến đấu hơn nữa.*

*Nền Đạo Cao Đài là Nho Tông chuyển thế, thì tức nhiên của toàn xã hội Nhơn quần nơi mặt địa cầu này nhờ Đạo Nho sửa đương chính đốn thiên hạ lại. Chúng ta thấy xã hội tinh túy đạo đức của họ dường như đảo ngược lại, khủng hoảng tinh thần mà ra vậy.”*

Đạo Cao Đài Nho tông chuyển thế. Nói như thế không có nghĩa Đạo Cao Đài chủ trương đem cả học thuyết đạo Nho ra áp dụng vào xã hội, vì xã hội nhân loại tự do dân chủ ngày nay có trình độ khoa học kỹ thuật tiến hóa và tinh thần cao so với thời kỳ đức Khổng cách nay hơn 2500 năm. Cao Đài chỉ lấy những tinh hoa của đạo Nho làm căn bản cho việc giáo dục cải tạo con người cùng xã hội và việc Tổ chức Giáo Hội mà thôi.

Nếu thời hỗn loạn Đông Châu Liệt quốc Đức Khổng Phu Tử đã chủ trương Nhơn đạo đặng cứu vãn tình thế nước Trung Hoa thế nào thì Đức Chí Tôn ngày nay cũng đến cứu vãn nhân loại bằng phương pháp đó.

Phần tiếp theo sau đây, chúng ta sẽ tìm hiểu Đạo Cao Đài vận dụng tinh hoa nào của Nho giáo để thực thi giáo pháp Nho tông chuyển thế làm căn bản tu tập từ phạm (Nhơn Đạo) đến Thánh (Tông chỉ Phối Thiên trong Đạo Trung Dung).

### **III.-\*Tinh hoa của Nho giáo được diệu dụng trong Giáo lý Cao Đài**

#### **1.-\*Thiên Địa Vạn vật Đồng Nhất Thể**

Vạn vật đồng nhất thể là vạn vật, nói chung tất cả các vật trong càn khôn vũ trụ, có cùng thể cách như nhau, bởi vì có cùng một nguồn gốc chung là Thượng Đế tạo ra. Bản thể Trời thì duy nhất, nhưng hình tướng bên ngoài thì biến ảo muôn hình vạn trạng. Đó là: “Thể duy nhất, dụng vạn thù”

Theo Trung Dung và Dịch lý, **Vũ trụ quan** diễn tiến như sau:

*-Vô Cực sinh Thái Cực, Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái và biến hóa tạo dựng càn khôn vũ trụ.*

Nghĩa là:

Trời sinh ra ánh sáng, ánh sáng sinh Từ Lực. Từ lực chính là nhị khí âm dương, tác dụng phối hợp nhau, theo phương thức khác nhau, để sinh gió mây, nước lửa, núi sông, trời đất.

Quan niệm vũ trụ này rất giống giáo lý Cao Đài (*Căn cứ Giáo Lý của Ngài Tiếp Pháp*)

Cao Đài cũng giống như Khổng và Lão giáo, căn cứ vào Dịch lý khi nói về vũ trụ.

Đạo Dịch trải qua 2 thời kỳ: Tiên Thiên Đại Đạo và Hậu Thiên Đại Đạo

## -Tiên Thiên Đại Đạo:

Đạo có trước Trời đất là Vô danh, vô hình mà Đức Chí Tôn làm chủ, Nho giáo gọi là Trời hay Thượng Đế, như câu Thánh ngôn của Đức Chí Tôn:

*“Khi chưa có Trời Đất thì khí Hư Vô sanh có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực, Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng biến ra Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mà tạo lập càn khôn thể giới.”*

Thái cực luân chuyển một động một tịnh mà sinh ra nhị khí Âm Dương (Lưỡng nghi). Âm Dương có tính tương khắc mà lại tương hòa. Do bởi tương khắc nên âm dương gặp nhau thì hỗn độn, đến tốt độ rồi lại điều hòa. Chính sự hỗn độn và điều hòa là Cơ định vị Trời đất. Khi Trời đất đã định vị rồi thì từ đó về sau Đạo lại biến hóa nữa mà hóa sanh muôn loài. Thời kỳ này là Hậu Thiên Đại Đạo (Đạo có sau Trời)

## -Hậu Thiên Đại Đạo

Khi Trời đất định vị phân ngôi cao thấp rồi, trong khoảng không gian giữa Trời Đất, khí Âm Dương lại tác động hỗn độn điều hòa nữa mà hóa sanh vạn vật.

Đức Chí Tôn có dạy:

**Thánh Ngôn:** “*Khi tạo lập Càn Khôn Thế Giới rồi Thầy phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: Vật chất, Thảo mộc, Côn trùng, Thú cầm gọi là Chúng sanh. Vậy các con đủ hiểu rằng: Mỗi vật hữu sanh nơi thế gian này đều do Chơn Linh Thầy mà ra. Có sống ắt có Thầy. Thầy là Cha sự sống, vì vậy nên lòng háo sanh của Thầy là vô tận.*”

Đây chính là: “Nhứt bản tán vạn thù”

Nho giáo cũng chủ trương thuyết sinh hóa, tức là Vạn vật đã từ Nhất thể phân thân mà thành; đây là một thuyết sinh hóa đặc biệt, vì hết chu kỳ biến dịch lại trở về nguyên bản (*Thiên địa tuần hoàn chung nhi phục thủy*). Đây là thuyết : “**Thiên Địa Vạn vật đồng nhất thể**” mà cả Nho giáo và Cao Đài quan niệm về Vũ trụ quan như nhau.

## 2.- Tổ chức Hội Thánh theo Chơn Tướng Nho Tông

Về Thể Pháp, Đạo Cao Đài có cách tổ chức Hội Thánh Cửu Trùng Đài (HT-CTĐ) giống như Nho giáo, gồm có:

- Tam thập lục Thánh (36 Phối sư), Thất thập nhị Hiền (72 Giáo sư), Tam thiên đồ đệ (3,000 Giáo hữu) và

- Cao Đài thêm hai phẩm nữa là Nhứt Phật (vị Giáo Tông - anh cả toàn Đạo, Chưởng Quản HT- CTĐ), Tam Tiên- (3 vị Đầu sư). Tất cả các vị Thánh thể này thuộc HT-CTĐ, thay mặt cho Đức Chí Tôn lo phổ độ chúng sanh và điều hành mỗi Đạo.

## 3.- Phục hưng Lễ Nhạc

Về tế lễ, từ đầu khi mở Đạo, Đức Chí Tôn dạy áp dụng lễ Nho và chỉnh đốn Nhạc cổ Việt nam trong cúng tế Đức Thượng Đế cùng chư Thần Thánh Tiên Phật và trong việc tang tế sự.

*Đạo Cao Đài phục hưng tinh thần của Lễ và Nhạc, Tinh thần của Lễ là Kính và tinh thần của Nhạc là Hòa.*

#### **4.- Đề cao Nhân Nghĩa**

Nhơn Nghĩa là khái niệm đạo đức của Khổng học.

Nhân là lòng thương người, Nghĩa là việc làm theo lẽ phải, làm điều chính đáng theo đạo nghĩa.

Nho giáo đã có từ thời trước Khổng Tử, trong đó kinh Lễ từng đề cập đến Nhân gắn liền với Nghĩa. Thực hiện được Đạo Nhân Nghĩa cần phải có Lễ và giải rõ rằng:

-Nhân là đem ân huệ cho mọi đối tượng cả người và vật. Nghĩa là xét đoán thích đáng.

Nói rõ hơn, Ôn huệ là Nhân, lẽ phải là Nghĩa, điều tiết là Lễ và cân nhắc là Trí.

Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí khiến đạo người đầy đủ.

Nhân được coi là gốc là cơ bản của Nghĩa. Chính vì thế Đức Khổng nói nhiều về Nhân và ghép chung Nhân với Trí và Dũng. Điều này cũng giống như nhà Phật thay vì nói Nhân lại nói Bi (Từ bi), Trí và Dũng.

\*Đạo Cao Đài đề cao Nhân Nghĩa rải rác trong kinh kệ như:

*“Từ bi Phật dẫn lòng thành lòng **Nhơn***

(Bài Khai Kinh)

*Làm người **Nhơn Nghĩa** giữ tròn,*

*Muôn năm bóng khuất tiếng còn bay xa”*

(Kinh Sám Hối)

\*Một biểu tượng đề cao Nhơn Nghĩa là tại Đền Thánh, hai chữ Nhân và Nghĩa được tạc bằng chữ Nho đặt trên đầu 2 câu đối, hai bên Thiên Nhãn, ở lầu chính giữa 2 lầu chuông trống và sau Bao Lơn đài, bên hữu là chữ Nhân và bên tả chữ Nghĩa, mục đích tiêu chuẩn nguồn cội nhơn sanh thuận thảo, xã hội thanh bình đều do Nhân Nghĩa phát huy đạo lý mà ra.

#### **5.-Phương pháp Tu thân (Nhơn đạo)**

Đức Hộ Pháp dạy: *“Tu thân, tức nhiên Nhơn Đạo đó vậy”* (Thuyết đạo 25-5 Kỷ Sửu-1949)

Tín đồ Cao Đài vì đang sống tại thế có gia đình như bao người khác nên phải lo tròn

Nhơn đạo tức phải qua giai đoạn bậc Hạ thừa trong một giai đoạn nào đó trong một đời tu, mau hay chậm tùy theo hoàn cảnh của mỗi người, trước khi tiến tới tu theo bậc Thượng Thừa.

Thượng thừa là bậc hiến thân cho Đạo, cắt ái ly gia, không còn lo gia đình nữa mà chỉ lo hành Đạo, phụng sự chúng sanh. Luật Đạo bắt buộc từ phẩm Giáo Hữu trở lên phải chọn vào bậc Thượng Thừa.

Phần **luân lý thực hành** áp dụng cho hai phái Nam và Nữ như sau:

## **A.-NAM PHÁI**

### **Tam cang-Ngũ Thường**

- Tam cang hay Tam cương là ba giềng hay ba mối.

Tam cang là Quân thần cang, Phụ tử cang và Phu thê cang và

- Ngũ thường là năm hằng.

Ngũ thường là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

Đức Chí Tôn đã dạy trong Thánh ngôn HT: *"Thầy dạy Nam phái biết Tam cang, Ngũ thường. Hễ Nhơn đạo thành thì là phù hợp với Thiên đạo, nghe à!"*

#### **1.-\*Tam cang: ba giềng mối**

##### **1.1-\* Quân thần cang: giềng mối vua tôi**

Làm dân phải trung với vua, vua ở đây tượng trưng cho quốc gia dân tộc. Trung với đất nước, chứ không phải mù quáng trung với vua hay quốc trưởng. Dĩ nhiên là dân phải trung với vị đứng đầu đất nước nào mà hết lòng lo cho dân, bảo vệ đất nước mà thôi.

##### **1.2-\* Phụ tử cang: Giềng mối cha con**

Làm con phải hiếu với cha mẹ. Cha mẹ sanh thành dưỡng dục ta nên người, phải ghi nhớ ân thâm, lo bảo dưỡng và đền đáp lúc cha mẹ già yếu. Người xưa dạy: người sinh ra có trăm nết, nhưng chỉ có Hiếu phải trước tiên (Nhơn sanh bá hạnh, hiếu vi tiên)

Phần cha mẹ cũng phải làm gương tốt cho con, hết lòng thương yêu, dạy dỗ con nên người hữu dụng, "phụ tử hiếu" là vậy.

##### **1.3-\* Phu thê cang: giềng mối vợ chồng**

Vợ chồng chủ yếu là phải thuận hòa, thương yêu chân thật; dù gặp nghịch cảnh khó khăn thế nào cũng phải giữ trọn thủy chung. Ngoài tình yêu thương còn phải có nghĩa với nhau nữa.

#### **2.-\* Ngũ thường: Năm hằng**



**-Nhân:** Nhân chi sơ tánh bản thiện (người sinh ra ai cũng có sẵn tánh Thiện lành) vì có điểm Linh quang của Trời để làm tự Tánh cho mình.

Tánh đó là Mạng Trời hay Thiên Lý. Mạng Trời thì như nhiên lặng lẽ trầm mặc nơi cõi an tịnh, nhưng khi phát động trúnng tiết thì đó là Nhân. Đức Nhân gồm các đức tính tốt như Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa, Cung, Khoan, Huệ, Cương ...

Giữ được đạo Nhân khi xử sự tiếp vật thì đó là xong đạo làm người.

Mở rộng lòng thương yêu thì sự ghét không có chỗ dựa trong lòng ta, ta cảm thấy lúc nào cũng an vui hạnh phúc.

**-Nghĩa:** là tác động của lòng nhân, hành động theo lẽ phải, hợp Đạo lý.

Trong đạo xử thế, cái Nghĩa rất quan trọng, nó dẫn dắt con người đến đạo đức. Nghĩa là lẽ phải, giúp cho con người hoàn thành bổn phận làm người; hay nói khác hơn, Nghĩa cụ thể hóa lòng Nhân thành Đạo đức.

Nhân Nghĩa phải đi đôi với nhau. Có Nhân mà không có Nghĩa thì Đạo đức thiếu hình thức thể hiện; còn nếu có Nghĩa mà không có Nhân thì Đạo đức lại thiếu tinh thần.

**-Lễ,** đồng với chữ Lý. Áp dụng vào đạo Nhân thì giữ mực thường, chớ thái quá bất cập, kèm hãm dục vọng: sắc, tài, thực, sanh, tử, khổ...để theo được Thiên lý.

Lễ còn có tinh thần nữa là Kính

Lễ dùng để tế tự, có tác dụng làm đàn tế trang nghiêm và đào tạo con người một tâm lý Kính và Thành. Dần về sau Lễ lan rộng thành phép giao thiệp xã hội.

Tóm lại, Lễ là mực thước để đo lường tư tưởng lời nói và hành vi trong việc xử lý tiếp vật. Kẻ học Đạo nên theo Lễ để trở về với Nghĩa, nên theo Nghĩa để trở về với Nhân, nên theo Nhân để trở về với Đức và nên theo Đức để trở về với Đạo.

**-Trí:** Trí là khả năng nhận biết. Có kiến thức mới phán đoán đúng sai, thiện ác và hành động. Người có Trí mới biết Đạo đức mà hoá cái dở thành hay, tránh ác làm thiện và càng ngày càng làm cho hoàn thiện hơn.

Muốn thành người Trí, ta phải học hành suy tư. Theo Nho giáo, kẻ học phải làm năm việc: Học, Vấn, Tư, Biện và Hành.

-Học: lấy sự tìm kiếm làm cho giỏi mọi việc gọi là Học

-Vấn: lấy sự tìm kiếm giải thích rõ điều ngờ vực gọi là Vấn

-Tư: lấy sự tìm kiếm làm cho thông suốt mọi lý thuyết gọi là Tư

-Biện: lấy sự tìm kiếm làm cho tinh tường lẽ suy xét để giảng lại cho rõ gọi là Biện.

-Hành: lấy sự tìm kiếm hiểu biết làm ra sự kiện gọi là Hành.

**-Tín:** tin, tin tưởng. Giữ chữ Tín là điều đáng trọng đối với con người, nhất là bậc tu hành. Lời nói phải đi đôi với việc làm. Có câu:” Nhứt ngôn ký xuất, tứ mã nan truy” (Một lời thốt ra, xe bốn ngựa khó theo kịp). Chữ Tín thể hiện phẩm cách đạo đức con người. “Nhơn vô tín bất lập”, nghĩa là người mà không được tín nhiệm thì không làm nên được việc gì.

Tóm lại, phần Nhơn Đạo của Nam phái gồm có hai điều trọng yếu là Tam cương ( ba đức tính Trung, Hiếu, Nghĩa) và Ngũ thường (Nhơn, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín). Tất cả có 8 chữ, nếu làm trọn vẹn một chữ, đủ đạt vị Thần phẩm như các tôi **trung** với vua được sắc phong Thần thờ nơi làng xã và dân làng cúng tế hằng năm. Đạt hai chữ **Trung Nghĩa** như Đức Quan Công được hậu thế tôn xưng Quan Thánh linh hiển cứu dân độ thế ...

## **B.-\* PHẬN GÁI**

### **Giữ câu Tam Tòng, Tứ Đức**

#### **1.-\* Tam tòng là 3 điều phải theo của người đàn bà**

Tam tòng là tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử

Người thời nay thường nói: nay đã thế kỷ 21, nhân loại tiến lên nền văn minh hiện đại, vật chất lẫn tinh thần, với vai trò phụ nữ trong xã hội bình quyền cùng nam giới trên mọi lãnh vực. Nay Cao Đài giáo lại đem cái thuyết cũ kỹ “Tam Tòng”ra mà cổ vũ, thì có phải lợi ngược dòng tiến hóa chăng?

-Thưa rằng: Không, bởi vì luân lý cổ truyền Việt Nam gốc từ Nho giáo, mà như Đức Khổng Phu Tử, vị Vạn Thế Sư Biểu của nhân loại đã nói rằng:

*“Luân lý pháp luật phải tùy thời mà sửa đổi cho thích nghi với trình độ tiến hóa của nhơn sanh”.*

Sách Trung Dung có câu sau đây đủ chứng minh điều ấy rằng:

*“Trọng Ni tổ thuật Nghiêu Thuấn, hiến chương Văn Võ, thượng luật Thiên thời, hạ tập thu thổ”.*

Nghĩa là Đức Trọng Ni (Đức Khổng) thuật lại đạo vua Nghiêu, vua Thuấn, bắt chước vua Văn, vua Võ (4 vị Thánh Vương); trên theo thời Trời mà quyền biến, dưới tòng thủy thổ mà an vui.

Như vậy thì Đạo Cao Đài có thể lập lại thuyết “Tam tòng” chẳng hạn, rồi châm chước sửa đổi cho vừa lẩn tiến hóa, tức là giữ lấy cái “Hay” và bỏ những cái “Dở” để đưa nữ phái (bắt đầu từ còn con gái) đi đến con đường “Mỹ tục thuần phong”.

Theo sách Giáo lý của Ngài Tiếp Pháp, Tam tòng được tóm tắt như sau:

#### **1.1-\* Tại Gia Tòng Phụ:**

Tại nhà thì phải tùng theo cha mẹ. bốn phận làm con phải thảo với cha mẹ. Đạo Hiếu không phân biệt trai hay gái, như đã nói trong chương “Phụ tử cang”. Dù con cái đã trưởng thành, nhưng kinh nghiệm đường đời và từng trải đâu bằng cha mẹ, nên những việc quan trọng, con nên nghe lời cha mẹ thì công việc mới thành công tốt đẹp.

Phải nhớ rằng không ai thương con và lo lắng con bằng cha mẹ. Thảng như có điều chi không vừa ý thì ôn tồn nhỏ nhẹ trình bày cùng cha mẹ và mọi sự sẽ xử lý êm đẹp trong tình thương gia đình.

### **1.2-\* Xuất Giá Tùng phu:**

Có chồng thì phải tùng theo chồng. Người chồng thường giữ vai trò trọng yếu trong gia đình, có khả năng làm việc bảo đảm nuôi sống gia đình. Do đó, vợ nên nhường cho chồng quyền sắp đặt và định đoạt công việc gia đình. Vợ có nhiệm vụ phụ giúp ý kiến, giúp chồng làm nên sự nghiệp. Ngày nay, phụ nữ thường cũng đi làm như nam giới, có khi lại giỏi giang hơn, tuy nhiên không nên vì thế mà lấn quyền chồng; vợ chồng tương kính nhau, trước sau giữ mực bình thường tạo không khí đầm ấm trong gia đình và làm mẫu mực cho con cái noi gương.

### **1.3-\* Phu Tử Tùng Tử:**

Chồng chết thì phải tùng theo con. Nếu chẳng may người chồng mất sớm thì người vợ nên ở vậy, thay chồng nuôi dạy con. Khi con còn thơ ấu thì lo bề giáo hóa dưỡng dục, đến lúc con khôn lớn trưởng thành thì lo cho con yên bề gia thất và giúp đỡ con gầy dựng tốt gia đình nó; như vậy mới tròn bốn phận Mẹ hiền.

Quan niệm xưa “chồng mất, vợ ở vậy, nuôi con”, nghe rất cao thượng, đáng trân trọng. Tuy nhiên, nếu người vợ đó còn trẻ và không có khả năng nuôi con, có thể nhiều đứa, thì làm sao đây để thỏa mãn nhu cầu sinh sống và học hành cho chúng?

- Có thể nào người vợ góa đi bước nữa với người chồng sau mà có đủ tình thương và khả năng bảo bọc các con và lo cho chúng nên người như bao trẻ em khác?

Hỏi tức nhiên thực tế đã có câu trả lời. Tuy nhiên, tuổi Đạo Cao Đài tính đến năm 1975 mới có 50 năm, thế luật vẫn còn thiếu sót. Sau này, sớm hay muộn cũng tới, khi Hội Thánh phục quyền, quyền Vạn Linh (Hội Nghị Nhơn sanh, Đại Hội Hội Thánh và Thượng Hội) sẽ bổ khuyết luật lệ đầy đủ hơn; vì Bộ Tân Luật của Đạo luôn cập nhật tùy theo phong tục tập quán mỗi nước và sự tiến bộ của Nhơn sanh.

## **2.-\* Tứ đức: Công, Dung, Ngôn và Hạnh.**

**2.1-Công:** Nữ giới cần có nữ công thường thức thuần thực hầu làm tròn công việc nội trợ của mình như nấu ăn, xếp đặt nhà cửa khang trang, nuôi dạy con cái . . .

**2.2-Dung:** dung là diện mạo, dung nhan. Phụ nữ nên chăm sóc dung nhan cho tươi tắn, dễ thương, đi đứng dịu dàng tự nhiên, cử chỉ đoan trang, thân thể sạch sẽ và ăn mặc gọn gàng tươm tất.

**2.3- Ngôn:** là lời nói cần thành thật. Suy nghĩ trước khi nói, vì nói ra người khác có thể đoán ra tâm lý, bởi vì có tư tưởng trong lòng mới sinh ra lời nói. Cho nên nói năng phải cẩn thận. tránh lời nói láo, hoa nguyệt, không ngời lê đôi mách, nói xằng bậy. (*Xin đọc thêm Điều cấm thứ năm: ‘ Ngũ bất vọng ngữ’*)

**2.4-Hạnh:** Hạnh là nét, tính nét. Tính nét do Tâm mà ra, cho nên muốn có hạnh , trước hết phải giới mài bản Tâm. Thể hiện của Hạnh là hiền lành, thành thật, tao nhã.

Thành thật thì được người tin nhiệm, tin dùng; hiền lành thì ngăn ngừa được sự phóng tâm; hòa nhã thì tránh được sự kiêu căng, hỗn láo.

Người phụ nữ giữ trọn Tam tòng và Tứ đức thì đủ làm nên người con Hiếu thảo, vợ hiền, mẹ lành.

**Tóm lại,** Con người, dù Nam hay Nữ , có theo đạo nào hay không, cũng đều phải lấy đạo Tu Thân làm căn bản Như Đạo tức đạo làm người. Theo Nho giáo, thực hành Nhân Đạo cho đến Chân, Thiện, Mỹ rồi mới Tề gia (sửa việc nhà), Trị quốc (tham gia việc nước) và góp phần vào việc Bình Thiên hạ.

Đối với người tín đồ Cao Đài, ngoài việc giữ Luân lý thực hành cho Nam Nữ kể trên, tín đồ còn phải giữ luật Đạo khi đã Nhập môn vào Đạo:

- Giữ trai giới từ 10 ngày trong tháng trở lên
- Tuân thủ Ngũ giới cấm , Tứ Đại Điều Quy, Thế Luật và các luật lệnh khác của Hội Thánh ban hành.

Một khi đã lo tròn Nhân Đạo rồi, hoặc dàn xếp xong việc gia đình, muốn tu tiến xa hơn, sẽ chọn lập vị qua 1 trong 3 con đường tu của Đạo:

- Cứu Thiên Khai Hóa tức hệ thống Cứu Trùng Đài
- Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng liêng thuộc Phước Thiện
- Tu Chơn

Phần trên đây, chúng ta đã bàn đến phần luân lý thực hành Như Đạo của Nho gia mà Cao Đài đã phục hưng cho nhân loại ngày nay cần phải có để cải thiện con người và cải thiện xã hội; đó thuộc bậc Hạ thừa.

## **5.-\* Trung Dung**

Trung, theo từ nguyên là một mũi tên bắn trúng hồng tâm

Trung là giữa, là tâm điểm (centre). Dung là thường (permanent), là bất biến (invariable)

Kết hợp ý nghĩa trên ta thấy mục đích Trung Dung là muốn tìm cho ra tâm điểm vũ trụ, tâm điểm cuộc đời, băng qua mọi biến thiên để trở về tâm điểm hằng cửu bất biến ấy.

Về tượng hình (symbol), ta thấy trung điểm, trung cung từ Đông sang Tây, từ xưa đến nay, luôn luôn tượng trưng cho ngôi vị tối thượng.

Tổng hợp các quan điểm của Thánh hiền Nho giáo, ta thấy Trung là ngôi vị của Thái cực (trong Tiên Thiên Bát Quái), của Hoàng Cực trong Hồng Phạm Cửu Trù), bất thiên, là nguồn gốc vạn vật, toàn tri toàn năng, tuyệt đối hoàn thiện làm tiêu chuẩn cho vạn vật tiến hóa.

Dịch luôn luôn đề cập đến Trung, Trung Đạo.

Mở rộng tầm nhìn các triết thuyết Đạo giáo khác, ta thấy Huyền học Hồi giáo gọi Trung điểm là Thiên cung; Huyền học Do Thái gọi Trung điểm là Thánh điện (Saint Palais) hay Trung cung (The Middle Chamber). Phật giáo cũng đề cập đến Trung Đạo. Đức Phật nhờ tu Trung Đạo, không thái quá và không bất cập, mà thành chánh giác; tu theo Trung Đạo đem lại con người trở nên viên mãn thanh tịnh, Niết bàn. Thư tịch đạo Lão cũng thường gặp chữ Trung Đạo, Trung Cung.

Đạo Trung Dung có từ nguồn gốc vua Nghiêu truyền ngôi vua Thuấn dặn rằng: *“Doãn chấp quyết Trung” (phải tin và giữ lấy đạo Trung)*. Vua Thuấn truyền ngôi cho Hạ Võ: *“...phải giữ cái tâm của mình cho tinh thuần, cho chuyên nhất mới giữ được đạo Trung.”*

Từ đó, chủ nghĩa **chấp trung** vẫn được các vua kế vị làm tiêu chuẩn cho mọi hoạt động.

Đến đời Đức Khổng, ngài mới diễn giải thêm và thêm vào chữ Dung nữa thành chữ **Trung Dung**.

Hai chữ Trung Dung gồm hết tất cả tinh hoa triết lý Nho giáo, xiển dương được cái đạo lý biến hóa của vũ trụ và nhân sinh quan một cách hệ thống.

Trung Dung là đạo thống tâm đắc nhất của Đức Khổng, không thể chuyển tải bằng ngôn ngữ thường tình mà được truyền thụ bằng Tâm, nghĩa là nhờ tâm mới lĩnh hội được vì ý tứ siêu việt và nghĩa lý bí ẩn.

Trung Dung gồm có 33 chương, nhưng chỉ có một chữ “THÀNH” thu tóm hết đại ý.

Thành là hoàn thiện. Chu Hi và đa số học giả, định “Thành” là tinh hoàn, chân thực, hoàn toàn hợp nhất với chân lý.

*“Chung quy, Thành vẫn là hoàn thiện, mà hoàn thiện thì hợp nhất với bản tính, thiên lý, thiên mệnh.”*

*Theo Trung Dung, con đường đưa tới hoàn thiện, khởi đầu bằng chữ Kính, chữ Sợ Trời tiềm ẩn trong lòng mình và sẽ trải qua các giai đoạn học hỏi, suy tư tu luyện, để kết thúc bằng sự “phối Thiên”, sự hợp nhất với Trời.” (Trung Dung Tân Khảo)*

Tóm lại, Nho giáo dạy phương pháp Tu thân một cách toàn diện gồm cả Tu Thân và Tu Tâm. Đây cũng là cách Tu của tín đồ Cao Đài, vì còn tại thế nên phải nhập thế tu thân ít ra trong khoảng thời gian nào đó trong đời.

Vì Tu cả Thân lẫn Tâm nên thể pháp Cao Đài có phần giống giáo lý Nho giáo; nhưng cách tu thì qua kinh kệ và Thánh ngôn thì gồm đủ tinh hoa giáo lý Tam giáo. Điển hình như:

*“Đạo gốc bởi lòng **Thành** tín hiệp” (Kinh Niệm hương)*

*Trung Dung Khổng Thánh chỉ rành,*

*Từ bi Phật dạy lành **Thành** lòng Nhơn,*

*Phép Tiên Đạo Tu chơn dưỡng Tánh. (Khai Kinh)*

Câu trên ẩn ý Trong sách Trung Dung chỉ rành cái gì? –Đó là “lòng **Thành** lòng Nhơn”.

Điều này minh chứng rằng đạo Nhơn luân và đạo thống Trung Dung của Nho tông được giáo lý Cao Đài phục hưng sánh ngang hàng các tôn giáo lớn.

#### **IV.-\*Phương Pháp Tu Thân theo Nho giáo**

**(Phần này viết để tham khảo cách TU Thân lẫn TU Tâm của Nho giáo)**

Nho giáo cũng có phần Thiên Đạo, dạy Tu tâm, dưỡng tánh và thực tế có nhiều danh Nho trở thành bậc Thánh Hiền như Tăng Tử, Mạnh Tử, Nhan Hồi, Vương Dương Minh... Có thể nói Tu thân theo hình nhi thượng học của Nho giáo là phương pháp Tu Thân Tâm, tu để Phối Thiên hay nói theo Lão hay Phật giáo là trở thành bậc giác ngộ.

- **Chủ trương căn bản của Nho giáo là Con người có Thiên Tính.** Các công trình Tu thân, vấn đề chính trị, xã hội khác đều dựa vào chủ trương then chốt này. Thiên Tính còn có tên gọi khác nhau trong Tứ Thư và Ngũ Kinh.

-Thiên Tính được gọi là Đạo Tâm trong Kinh Thư

-Thiên Mệnh hay Tính Mệnh theo Sách Trung Dung

-Minh Đức theo Đại Học.

-Di, Tắc theo Kinh Thi.

Danh từ tuy khác nhau, nhưng vẫn một chân lý cốt lõi rằng: **Dưới những Hiện tượng tâm tư, còn có Bản Thể Trời làm căn cốt.**

.Bản tính Người là Trời, cho nên Nho giáo mới nói: **Tính con người vốn Thiện lành.**

.Do đó con người phải cố công học hỏi, suy tư để tìm cho ra cái **Khuôn Trời, Gốc Trời** nơi mình, sau đó mới “chính tâm, thành ý, tu, tề, trị, bình” được.

-**Phương pháp Tu thân** nói nghe đơn giản, nhưng đi vào thực hành rất khó. Theo Nho giáo, muốn Tu thân hiệu quả phải qua quá trình các giai đoạn:

**a/-Lập Chí:**

Lập chí là thật tâm ước nguyện, kiên trì học hành để mở mang kiến thức và nhất là có quyết tâm thành người hiền.

Học để biết phương cách tu luyện và hành để cải thiện tâm hồn. Nho sinh từ đời Tần, Hán về sau đa số học để làm quan, chứ học để mà học hỏi hiểu biết đạo lý Thánh Hiền thì rất hiếm.

Gương lập chí học Đạo Thánh hiền thì có nhiều danh Nho nổi chí làm sáng tỏ Nhơn Đạo. Điển hình gương Lập chí sáng tỏ nhất là Vương Dương Minh (1472-1528), sanh sau Đức Khổng cả trên ngàn rưỡi năm, rất ham học. Năm ông 11 tuổi đã trả lời Thầy dạy học rằng: "Chỉ có học để trở thành Thánh Hiền là hơn". Thế nhưng mãi đến 34 tuổi mới ngộ ra được cái nghĩa của "*cách vật trí tri*" của Đại Học và nhận chân đạo chẳng ngoài Tâm và Lương Tri tức là Đạo, là Trời.

### **b/-Học hỏi, suy tư**

Khi đã lập chí ước nguyện rồi, ta nhất định kiên nhẫn dùng cả đời mình để tu luyện, ra công học hỏi suy tư để trở thành Thánh Hiền. Ngoài học hỏi, suy tư về kiến thức, còn chính yếu để tìm lại Thiên Tâm, Thiên Tính hay là Bản Tâm, Bản Tính của chính mình. Sách Đại Học do Tăng Tử soạn ra phương pháp Tu thân phải khởi đầu từ Cách Vật thì mới có thể Trí tri để Thành Ý, rồi Chính tâm và Tu thân được; Thân đã hoàn toàn rồi thì mới Tề gia, góp phần Trị quốc và Bình thiên hạ.

**-Cách vật:** Theo Vương Dương Minh (Ngữ lục, III) thì "*không thiện không ác là thể của Tâm, có Thiện có ác là cái động của Ý, biết Thiện biết ác là Lương tri, làm Thiện bỏ ác là Cách vật*". Như vậy, cách vật theo tôn chỉ Tu thân là "**bỏ ác làm thiện**"

#### **-Trí Tri:**

.**Trí** là đến, đến tận cùng, đến đó rồi hết. Nói là đến chỗ tận cùng, tới chỗ nguồn gốc của sự vật, của hành động, của giác tri. Trí ở đây có thể hiểu như Trí Bát Nhã của Phật, hay là Trí Vô Đối của Đạo Cao Đài.

.**Tri** là Lương tri. Đây là Lương tri mà Ngài Mạnh Tử dạy trong Ly Lôu Hạ: "*Người không học mà làm được, làm giỏi là do lương năng; người không tư lự suy nghĩ mà biết được rõ rệt, tinh tường, không sai lạc là do cái lương tri đó.*"

Trí Tri hay Trí Lương Tri có nghĩa là đi đến cái Lương Tri, đạt cái Lương Tri, có nghĩa là "**Biết Thiện biết ác**". Đó là cái biết tự nhiên vậy.

Tóm lại, Trí tri cách vật hay Trí Tri tại Cách vật có nghĩa là thấy biết rõ đến cái bản chất Thiện của mọi sự vật và bản chất Thiện của mọi chúng sanh.

Con người với lương tri tự nhiên là Thiện vì có Bản tính Trời nơi mình, nhưng do chạm với bụi trần che phủ làm lu mờ quên hết cái Bản chất hay Thiên mệnh thiện lành của mình; chính vì thế con người phải dụng công phu của lương tri để phục hồi khả năng Cách vật tức "bỏ ác hành thiện"

**Hành thiện** có nghĩa là *ngĩ thiện, nói thiện và làm thiện*

Theo Nho gia, phép học có 2 đường hướng:

-Học hỏi để tìm lẽ Nhất Quán ở ngoài Tâm: là cái học chi li, phức tạp; học có tính hướng ngoại, lệ thuộc vào sách vở, ngoại cảnh, thích nghi cho việc nghị luận, tranh biện. Đó là cái học “*cầu biết để mà nói*”.

-Học hỏi để tìm lẽ nhất quán ở trong Tâm: là sự học giản dị nhưng bao quát. Nó chủ yếu ở sự đơn giản, tự chứng, tự nghiệm. Mục đích của sự học này là “*Cầu lấy biết để mà hành*” để tu cho tâm thần sáng lạn.

Hai đường lối tuy cao thấp khác nhau, nhưng bổ khuyết cho nhau; thường thì đọc sách rồi thấm dần, sau đó mới “quán tâm” được.

Như vậy, học hỏi chính yếu là “*Cùng lý, trí tri*”.

Trình tử cho rằng: “*Không suy nghĩ chín chắn, không thể đến được cõi đạo lý*”.

Điều sở đắc của người học Đạo, phần nhiều do ở trực giác hơn ở sách vở và thầy bạn.

Ông nói thêm: “*Đại phàm học vấn, do sự nghe biết, đều không thể gọi là tự đắc. Muốn tự đắc phải mặc thức, tâm thông ... Nghe thấy mà biết không phải là sự hiểu biết của đức tính. Sự hiểu biết của đức tính không mượn ở kiến văn.*”

Trên đây, nói “học hỏi, suy tư” để tìm ra lẽ “nhất quán” của Trời Đất, để “cùng lý, tận tính”. Nói cách khác, ta có thể nói nôm na dễ hiểu, đơn giản như sau:

-Người xưa học để tìm cho ra Lẽ Một chi phối vũ trụ

-Ở vũ trụ bên ngoài, thì Lẽ Một hay Trời sinh ra vạn tượng, vạn hữu.

-Ở vũ trụ bên trong tâm ta thì Lẽ Một hay Trời sinh xuất ra vạn tình, vạn niệm.

**Vậy nên, tìm Lẽ Một nơi Tâm, tức là tìm ra được phần linh thiêng nhất của tâm thần con người.**

Nho gia gọi phần linh thiêng nhất đó là Tính, là Mệnh, là Minh Đức, là Trung, là Đạo, là Thiên Lý ...

Vương Dương Minh gọi phần linh thiêng ấy là **Lương Tâm** và chủ trương:

-Học là để tìm lại Lương tâm

-Tu là để sống theo đúng Lương tâm.

Ông cho rằng: Lương tâm hay Lương tri cũng chính là Đạo, là Trời. Ông viết: “*Cái Bản thể của Tâm là Thiên lý, cái chiêu minh linh giác của Thiên lý là Lương tri*”.

“*Tâm tức là Đạo, Đạo tức là Trời. Biết Tâm thì biết Đạo, biết Trời.*”



Tìm được Lương tâm, Lương tri rồi, ta thấy rõ rằng: mỗi một con người, ai ai cũng có 2 phần khác biệt: **Lương tâm** và **Tư tâm**.

- **Tư Tâm:** Tư tâm mỗi người rất khác nhau. Tư tâm người thời nay khác với tư tâm người xưa. Tư tâm người da trắng khác tư tâm da đen, tư tâm người da vàng khác tư tâm người da đỏ.
- Nhưng **Lương Tâm** con người đều giống nhau. Lương tâm người xưa và con người thời nay là một. Lương tâm của con người và Thần Thánh Tiên Phật là một.

Nói như thế, thì con người khác với Thánh Hiền Tiên Phật điểm nào?

Đây chính là điểm này:

- Tư tâm và Lương tâm của Hiền Thánh Tiên Phật hoàn toàn giống nhau. Tư tâm của các Ngài hoàn toàn biến thành Lương tâm.
- Ngược lại Tư tâm và Lương tâm con người hoàn toàn khác nhau, như đen với trắng, như nước với lửa ... Tư tâm và Lương tâm con người thường chống đối nhau, như trống đánh xuôi và kèn thổi ngược . . .

Ta thấy lương tâm của kẻ tầm thường (hoặc phàm phu tục tử) dễ bị tư tâm che khuất..

Đối với các bậc hiền triết và bậc chính nhân quân tử, họ thấy rõ 2 phần tách biệt trong con người:

- Một bên là Lương tâm, là Bản thể con người, là tiểu linh quang do đại linh quang Thượng Đế ban cho con người.

- Một bên là Tư tâm, còn đầy ám muội, khuyết điểm, cần phải được lau chùi và cải thiện.

Thánh hiền đắc Đạo là những người chẳng còn Tư tâm, chẳng còn sở đắc danh lợi, chỉ còn thuần Lương tâm hay là Thiên Lý ngự trị bên trong tâm khảm.

Mạnh Tử cho rằng:” Nhân là Lương tâm con người, Nghĩa là con đường chính đạo của người. Những ai bỏ con đường chánh đạo của mình mà chẳng theo, những kẻ để thất lạc Lương tâm mình mà chẳng biết tìm nó lại, thật đáng thương hại thay! Mỗi khi con gà, con chó của họ chạy lạc, thì họ biết đi kiếm mà đem về. Nhưng tới chừng cái Lương tâm của họ thất lạc, thì họ chẳng biết cách tìm nó trở lại. Người học vấn đạo lý chỉ có cái mục đích này mà thôi: tìm cái lương tâm thất lạc của mình.”

**c/-Cư Kính:** (Cư : giữ lấy)

Kính sợ Trời như thể Ngài hiện giáng lâm.

Khi đã thấy được Bản Tâm, Bản Tính ngự trị nơi Lương tâm và hiểu được rằng Lương

tâm chính là Đạo, là Trời, người học Đạo sẽ trở nên trang kính.

Sự trang kính đó bao gồm các đối tượng như sau:

-Kính sợ Trời như thể Ngài tiềm ẩn, giáng lâm

-Kính sợ Trời đang ngự trị trong tâm khảm ta

-Tự trọng mình vì nhận ra mình cũng có Bản thể cao cả như các Thánh hiền xưa nay

-Kính trọng người vì người khác cũng có Bản thể Thần minh như mình.

Có kính, có trang kính, con người mới dễ tu sửa tâm hồn cho ngay thẳng, trong sạch.

Kinh Thi, Trung Dung đều dạy: *Chớ thấy nơi thanh vắng, góc khuất mà làm điều xằng bậy vì bất cứ nơi nào cũng có Thần Minh soi rọi.*

Quan niệm kính Trời Đất của Nho gia sau này cũng đã ăn sâu vào nền văn học Trung Hoa như Sử ký, tiểu thuyết . . .nêu nổi bật lên những đấng anh hùng quân tử khác thường như Quan Công, Địch Nhân Kiệt . . .

#### **d/- Lấy Lương Tâm cải hóa Tư Tâm**

Sau khi đã Lập chí theo Đạo Thánh hiền, Học hỏi, Suy Tư “cùng lý, trí tri” và giữ lòng thành kính Trời Người, tức là đã đạt được các giai đoạn Cách vật, Trí Tri, Thành ý theo Đại Học. Khi nhận thức chắc rằng: *Lương Tâm con người là Bản tính, là Trời, là Đạo ... là mẫu mực hoàn thiện; còn Tư tâm là Khí chất chi Tính, có thanh có trọc, có hay có dở khác nhau, Nho gia khẳng định ra công:*

*Noi theo Lương tâm, cải hóa Tư tâm.*

Công phu này Nho gia gọi là Chính Tâm, làm cho tâm hồn trở nên chính trực, ngay thẳng; đó gọi là **Tồn Tâm Dưỡng Tánh**.

Rốt cuộc chính là biến hóa cái “Khí chất chi Tính”, biết cải hóa cái Tâm của mình, tức là biết áp dụng Dịch kinh vào phương pháp Tu thân vậy.

Như phần Tinh Hoa Nho giáo đã nói, Dịch kinh chỉ dạy hai chữ Chính, Trung.

Dịch dạy con người các điểm chính sau đây:

*-Hãy rũ bỏ những gì tư tà*

*-Hãy xiển dương những gì công chánh*

*-Hãy bỏ nơi ti tiện mà vươn lên cho tới chỗ thanh cao*

*-Hãy từ bỏ sự tối tăm mà trở về với ánh sáng*

*-Hãy tài bồi những gì còn khuyết điểm để đi đến chỗ viên mãn*

*-Hãy rũ bỏ tìn phiến mà trở về giản dị*

*-Hãy tránh rối loạn mà trở về sống trong qui tắc, trong trật tự ...*

Áp dụng những lẽ Dịch trên vào công việc Tu Thân, chúng ta sẽ tìm ra được những đường lối, tôn chỉ như sau:

*- Tâm ta dễ loạn động, phải biết giữ cho định tĩnh*

*- Tâm ta dễ phát tán, cần phải biết thu nhiếp, tập trung*

*- Tâm ta rất dễ bị ngoại vật làm cho hôn ám, cần phải giữ cho nó được thanh bạch, trong sáng*

*- Tâm ta thường khiếm khuyết, phải lo tài bồi cho ngày thêm viên mãn.*

*- Lương tâm thì Công chính, là Thiên lý vĩnh cửu, bất biến. tư tâm là tà nguy, là nhân dục biến thiên. Do đó, ta cần sống theo sự công chính, theo những định luật vĩnh cửu của Trời đất và cố tránh những nhân tạo, biến thiên, chòng chát.*

*- Hãy mở rộng tầm kích tâm hồn, cho nó ngày thêm rộng rãi, bao la, ngày một thêm hòa đồng. Tầm kích tâm hồn chúng ta phải đạt tới tầm kích vũ trụ.*

### **e/-Phương Pháp Kiểm Chứng**

Trong tiến trình Tu thân, điều cần yếu là thường xuyên xét mình, tự kiểm thảo, kiểm chứng.

Tăng Tử xem sự xét mình làm trọng như ông nói:

*“Hằng ngày ta hãy xét mình về 3 điều này:*

*-Làm việc cho ai, ta có hết lòng chắng?*

*-Kết giao với bằng hữu, ta có thành tín chắng*

*-Đạo lý do Thầy ta truyền dạy, ta có học tập chắng?”*

Luận Ngữ dạy phương pháp kiểm chứng như sau:

*-“Người trí không lằm*

*- Người nhân không buồn*

*- Người dũng không sợ.”*

*Nếu xét mình mà chắng thấy điều gì lằm lỗi, thì việc gì mà buồn, mà sợ?”*

Trung Dung, Đại Học, Mạnh Tử đều cho rằng: có đức độ bên trong thì sẽ biểu lộ ra ngoài.”

Trung Dung viết: “Hoàn thiện rồi sẽ hiện ra ngoài hình sắc.”

Mạnh Tử cho rằng: “Người quân tử lập chí ở Đạo, nếu chưa thấy phát huy được Đạo ra ngoài, thì chưa đạt Đạo.”

Phương pháp kiểm chứng này tương ứng với phép “Hồi quang phản chiếu” trong Cao Đài do Đức Hộ Pháp thuyết giảng là “Bàn Đạo dùng phép ‘Hồi quang phản chiếu’ đem thần trí ra ngoài thể xác để quan sát lại mình và hành tàng của thể nhân ra sao mới quyết định điều hay lẽ dở của nó”

### \*Phần Kết Luận

Tóm lại, theo Nho giáo, Tu thân không phải chỉ để tề gia, trị quốc, bình thiên hạ mà thôi, mà còn để trở thành Thánh Hiền.

Nói rõ hơn, Nho giáo không cho ta ngừng lại trong công cuộc Tu thân mà khuyến khích ta Tu Tâm nữa. Vì thế, Đại Học chỉ cho phép con người dừng lại một khi đã tiến tới mức hoàn thiện.

Nói vắn tắt và giản dị hơn, ta thấy Đạo Nho chỉ dạy con người “**Khử nhân dục, tồn Thiên Lý**”.

**Khử nhân dục** là:

- Đừng bao giờ làm điều tà khuất,
- Đừng bao giờ suy niệm những điều tà khuất.
- Đừng bao giờ làm điều hại mình, hại người
- Đừng làm gì đến nỗi phải che dấu, đậy điếm
- Đừng làm gì khiến cho mình phải mặc cảm, xấu hổ.

**Tồn Thiên Lý** là:

-Làm những điều quang minh, công chánh; suy nghĩ những điều thanh cao, đẹp đẽ.

-Làm những điều ích mình, ích người

-Làm những điều mình có thể làm được nơi thanh thiên bạch nhật, mà mọi người có thể trông thấy, nghe thấy, mà mình không phải vì thế mà hối hận, bị cắn rứt lương tâm.

Nói tóm tắt hơn nữa, **Nho gia chỉ dạy con người sống theo đúng tiếng gọi lương tâm “làm thiện bỏ ác”**. Cao Đài cũng dạy không khác: “*Gốc bời lòng làm phải làm lành*” (Bài Khai Kinh)

Trong giáo lý Đạo Cao Đài có đủ tinh túy giáo lý của Tam giáo nên mới gọi là qui nguyên và tông chỉ Cao Đài đặt trọng tâm vào Ngũ Chi Đại Đạo gọi là phục nhứt, gồm có

Nhân Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo và Phật Đạo, trong đó Nho Đạo là mối đạo khởi đầu, là phần quan trọng nhất trên con đường tu của tín đồ Cao Đài, ai cũng trải qua một thời gian nào đó trong một đời tu trước khi tiến tới phần Thiên Đạo. Nói rõ hơn, Nho giáo, đặc biệt là phần Nhân Đạo được Cao Đài phục hưng mà Đức Chí Tôn ban cho mỹ từ là “Nho tông chuyển thế”. Đây là phần giống nhau giữa Khổng giáo và Cao Đài, rõ nét nhất về phần thể pháp Nhân Đạo ./.

***HT Nguyễn Đăng Khích Biên Soạn***

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- 1.-Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp
- 2.-Giáo Lý của Ngài Tiếp Pháp Trương Văn Tràng
- 3.-Tinh Hoa các Đạo Giáo và Trung Dung Tân Khảo của Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ
- 4.-Cao Đài Từ Điển của HT Nguyễn Văn Hồng
- 4.-Tu Thân của HT Lê Văn Thêm



*Những giá trị ảnh hưởng của Nho Giáo*

# CÔNG NGHIỆP CỦA ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG

## Lễ Vía ngày 18 tháng Tám âm lịch hằng năm

Nhân kỷ niệm lễ vía Đức Lý Đại Tiên Trưởng, xin ghi tóm tắt về thân thế và công nghiệp của Đức Ngài.



Về Phần đời: kiếp giáng trần sau cùng ở nước Trung Hoa, Đức Ngài sinh năm 701 vào đời Võ Tắc Thiên (Võ Hoàng Hậu của vua Đường Cao Tông) tại huyện Xương Minh, đất Tây Thục. Tương truyền rằng bà mẹ của Ngài nằm mộng thấy sao Thái

Bạch, tức sao Trường Canh hay Kim Tinh, rơi vào lòng Bà mà sanh ra và đặt tên là Lý Thái Bạch. Từ nhỏ 15 tuổi đã học hỏi thông minh cả văn lẫn võ, xuất khẩu thành thơ, nổi tiếng là đại thi hào với bút hiệu Thanh Liên Cư Sĩ. Ngài chán ngán cảnh quan lộ lòn cúi thời nát, chỉ kết bạn với các thi bá đương thời, ngao du sơn thủy với bầu rượu túi thơ mà thôi. Ngài được người đương thời tôn xưng là Lý Trích Tiên vì thiên tài xuất khẩu thành thơ của Ngài ngay cả lúc say bên bầu rượu. Ngài chỉ có một thời gian ngắn giúp vua Đường Thái Tông thảo chiếu phúc đáp chiến thơ của vua Phiên mà trong triều đình không quan nào đọc và đối đáp

được mà thôi và sau đó không nhận chức phẩm và ra đi

tiếp tục kết bạn thi thơ bốn phương.

Đức Ngài mất năm 762, thọ 62 tuổi vào đời Đường Túc Tôn, lúc này Đường Minh Hoàng lên làm Thái Thượng Hoàng, dạy lập tại bờ sông Thái Thạch, thuộc vùng Động Đình Hồ (Trung Quốc) tám bia đề “Lý Trích Tiên Tử”, ghi ngày kỷ niệm thoát trần, hằng năm cúng tế.

Về phần Đạo: Đức Lý Thái Bạch trong Đạo thường gọi là Đức Lý Giáo Tông. Đức Ngài là một vị Đại Tiên Trưởng (Phật Vị) thọ lệnh Đức Chí Tôn làm Nhứt Trấn Oai Nghiêm cầm quyền Tiên Giáo kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đức Ngài là vị Giáo Tông đầu tiên và làm chủ Tịch Đạo Thanh Hương. Đức Ngài là Đấng vô hình cầm quyền anh Cả toàn Đạo, nhưng rất công bình chánh trực, thương yêu chúng sanh và rất nghiêm khắc qua các Đạo Nghị Định xử phạt nghiêm minh trong Đạo. Nhờ đó mà nền Đạo được giữ vững từ lúc phôi thai cho đến ngày nay.

Đức Lý giáng cơ cho bài thi tóm tắt cuộc đời Ngài như sau:

“ LÝ BẠCH (Noel 1925)

Đường trào hạ thế hưởng Tam quan,  
Chẳng vị công danh, chỉ hưởng nhàn.  
Ly rượu trăm thi, đời vẫn nhắc,  
Tánh Tiên muôn kiếp vốn chưa tàn.

Một bầu phong nguyệt say ngơ ngáo,  
Đầy túi thi văn đồ chứa chan.  
Bông đào còn mơ khi bút múa,  
Tả lòng thế sự, vẽ giang san.”

(Thánh ngôn Hiệp Tuyền)

Đức Hộ Pháp thuyết Đạo kê rõ CÔNG NGHIỆP CỦA ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG

nhằm ngày cúng vía Đức Ngài 18-8-Kỷ Sửu (1949), xin trích nguyên văn sau đây: “ Đêm nay ngày Vía Đức Lý Đại Tiên, tức nhiên Đấng cầm quyền Nhứt Trấn Oai Nghiêm nơi cõi Thiên Cung. Bản Đạo giảng giải nhơn dịp ngày lễ của Ngài, Bản Đạo cũng nên nhắc công nghiệp của Ngài, đã cầm quyền Nhứt Trấn Oai Nghiêm, còn phải chịu vì Đạo, buộc mình kiêm luôn chức Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức là anh cả toàn Thánh Thể của Đức Chí Tôn.

Bản Đạo nhớ lại lúc ban sơ nền Đạo mới phôi thai, nền chính trị Đạo không có chi hết. Bản Đạo đã bị uy quyền ép chế thành thử buổi ấy chưa biết giá trị của mình lãnh sứ mạng nơi Đức Chí Tôn là gì hết, mà dám chịu lãnh quyền tước, khi chụm mang cái quyền tước trong mình thì thời buổi không có làm gì được hết.

Vì buổi ấy Đạo còn yếu ớt, non nớt bạc nhược, chẳng có đem lại may mắn năng lực gì cả, biết bao phen Đức Lý Đại Tiên giáo hóa khuyên lơn. Ngài chỉ có để lời ngọt dịu dạy bảo khuyên răn. Thánh Giáo đầy đầy mà họ không biết tìm hiểu gì hết, chính mình họ, họ cũng không biết giá trị của họ là gì, Ngài đến cầm quyền định Đạo. Ngài cầm quyền Nhứt Trấn Oai Nghiêm. Vì thương Đức Chí Tôn nông nản đảo đẽ mà vâng lệnh của Ngài cầm quyền Giáo Tông Đại Đạo mà hễ động đến vị Chức Sắc Thiên Phong, nam nữ nào thì Đức Chí Tôn than phiền, trách trừng răn biểu mình đừng làm chình lòng với nhau. Thánh Giáo Đức Chí Tôn không coi mà cứ toàn mưu phá Đạo, hiện giờ có vài vị Chức Sắc Bản Đạo không nói tên, nghe lời Đức Lý răn phạt thì Đức Chí Tôn buồn, đến đối Ngài hờn mà làm bài thi như vậy:

Con khổ mà cha sướng đặng nào,  
Ai từng cắt ruột lại không đau.  
Chia quyền lại sợ quyền chia lại,  
Muốn liệng cho xa mảnh đế bào.

Vì giận, Đức Lý rầy phạt một mình con thảm Ngài sướng đặng sao. Thật sự Bản Đạo biết thời buổi ấy Đức Chí Tôn và Anh Cả chúng ta bất hòa với nhau. Bản Đạo buổi nọ không biết gì hết, chưa biết phận sự mình là gì, không biết làm sao ra cho thật hiện được, không biết quyền hành gì hết, duy có biết lý thuyết chớ không biết thi thố gì được cả.

Buổi nọ Đức Chí Tôn sợ Bản Đạo nghe lời theo Đức Lý mỗi phen chấp bút thì Ngài đều can gián. Chi chi con cũng nghe lời Thầy, đừng có nghe Thái Bạch nghe con. Khi đó rất đáo đẽ cho Bản Đạo nếu không nghe lời Ngài, để vậy mãi, thì tiêu diệt không thể tránh khỏi, như là nội loạn, còn ngoài thì Đảng Phái phá rồi nên chơn pháp của Đức Chí Tôn, Ngài đến chỉ cho Bản Đạo thấy cái cảnh nguy biến của nền Đạo như thế đó. Cảnh tượng của mỗi người như thế đó. Ngài biểu Bản Đạo phải nghe lời Ngài thì mới cứu vãn tình thế, bằng không thì tiêu diệt nền chánh trị Đạo buổi đó, có mạnh mẽ duy nhưt nào cả, bên này là lời giáo huấn của

Đức Chí Tôn, bên kia là lời dạy của Anh Cả, hai bên không biết đường nào mà đi, làm cho Bàn Đạo ngỡ ngàng trong 6 tháng trường, cứ thơ thần đi tới đi lui nơi rừng thiên nhiên mà suy nghĩ, làm cho Bàn Đạo bối rối cả đầu óc.

Đức Lý đến chỉ công chuyện như vậy rồi thặng, kể Đức Chí Tôn đến biểu đừng nghe lời, làm Bàn Đạo lung chùng, túng thế, Ngài nắm Bàn Đạo ngồi trên bàn từ 9 giờ tối đến 4 giờ khuya, Ngài không cho đi đâu hết, buộc phải nghe lời. Ngài viết, nói đủ lẽ nguy tướng của Đạo, nếu không quyết định thì đi khỏi nền Đạo Cao Đài trước tốt hơn. Bàn Đạo thấy chỉ đủ lý lẽ quả nhiên buộc phải nghe lời, nghe lời rồi

Ngài mừng quá nhiều, mà Bàn Đạo không hiểu không biết tại sao Ngài mừng, vì nghe lời thọ pháp quyền năng thiêng liêng đó vậy.

Trong đó có 3 Đài, có ba người chủ nắm vững.

1.- Bát Quái Đài, dưới quyền Đức Chí Tôn, Ngài Chúa cả Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật cùng Vạn Linh, chính Ông chủ Bát Quái Đài là Đức Chí Tôn.

2. Cửu Trùng Đài là quyền Giáo Tông làm chủ Hội Thánh.

3. Hiệp Thiên Đài là quyền Hộ Pháp làm chủ.

Ba Ông chủ ấy, có hai Ông này, Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài, nếu riêng ra không có thể gì dâng sớ cho Bát Quái Đài, tức nhiên quyền Chí Tôn ở nơi Bát Quái Đài, hai Đài Cửu Trùng và Hiệp Thiên hiệp nhứt là quyền Chí Tôn tại thế này, không có một quyền nào cai quản cãi qua quyền Bát Quái Đài được.

Có lần Bàn Đạo nghe lời Đức Lý thì Đại Từ Phụ thất vọng thấy tội nghiệp Ngài quá đỗi, Đức Đại Từ Phụ tính không thể gì bảo trọng mấy đứa kia được, biết Đức Lý nhứt định đuổi những kẻ tà tâm ra khỏi nền Tôn Giáo, Đại Từ Phụ biết không thể gì không biến sanh chi phái, nếu nẩy sanh chi phái rồi thì không phương cứu vãn và trị loạn được, thì nền Chánh Giáo của Đức Chí Tôn không có giá trị gì hết,

Bàn Đạo vừa nghe lời Đức Lý, Đức Chí Tôn không đến chừng ba tháng. Khi Đức Chí Tôn giáng cho làm lễ đăng điện tái quyền Giáo Tông lại chính mình Ngài đòi Đức Lý đến, Đức Lý xin từ chức Giáo Tông. Ôi thôi! Buổi ấy rất biến đổi, đến chừng Ngài triệu hồi Đức Lý trở lại, rồi Đức Chí Tôn không thể gì phản kháng với Ngài nữa Ngài thường nhắc cả toàn Hội Thánh Hiệp Thiên và Cửu Trùng làm lễ đăng điện cho long trọng khi Ngài tái nhậm phận sự rồi Ngài lên ngôi vị của Ngài,

Ngài cầm cơ viết: Tôi tưởng không có vị Vua Chúa nào viết được bài diễn văn như Ngài; trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có 4 câu thi của Ngài rất ngộ nghĩnh. Cửu tử kim triều đặc phục hườn, Hạnh phùng Thiên mạng đạo khai nguơn.

Thế trung ky tử hà tri tử,

Tử giả hà tồn chủ tịch hương.

Cửu tử kim triều đặc phục hườn là cảnh trần ta chết đã lâu rồi, mà hôm nay ta được phục sanh lại trong Thánh Thể của Đức Chí Tôn. Hạnh phùng Thiên mạng đạo khai nguơn là còn hạnh phúc đặng Thiên mạng đến khai nguơn. Tại sao Ngài nói đến? Bàn Đạo đã thuyết cuối Hạ nguơn tam chuyển khởi Thượng nguơn tứ chuyển Ngài đến khai nguơn là có duyên có. Bàn Đạo dám chắc rằng: Đấng nào khác hơn Ngài thì không thi hành được, Ngài đến đặng mở Thượng nguơn tứ chuyển.



Thế trung ky tử hà tri tử&quot; thế gian sợ chết mà không biết cái chết là gì, chính Ngài hỏi rồi nói. Tử giả hà tồn chủ tịch hương&quot; là tịch của nữ phái, nữ phái là nguồn sống của Nhơn loại, nếu nói nó chết thì Ngài đến làm chủ của nữ phái nghĩa gì? Cầm cái giống của thế gian này chi?

Bây giờ nói đến quyền hạn của Ngài, chính tay Ngài cầm bút viết :

Ánh Thái Cực biến sanh Thái Bạch,  
Hiện Kim Tinh trọng trách Linh Tiêu.

Quyền năng vung thừa Thiên Triều,  
Càn Khôn thế giới dắt dìu Tinh Quân.

Ánh Thái Cực biến sanh Thái Bạch&quot; là buổi Thái Cực vừa nổ hiện ra ánh sáng Thái Cực, chính là Ngài, duy Đức Chí Tôn cầm pháp, xin cả thầy nhớ nghe khi Đức Chí Tôn cầm pháp hiện ra hai lần Hạo nhiên khí đưng lại với nhau nổ, tức nhiên trái khối lửa đó tạo Càn Khôn Vũ Trụ ánh sáng Thái Cực đó là Ngài. Hiện Kim Tinh trọng trách Linh Tiêu&quot; là các cung đầu trên mặt địa cầu này đều hưởng ánh sáng ấy, mà chính ánh sáng vi chủ và điều khiển là Ngài.

Quyền năng vung thừa Thiên Triều là quyền năng vung lệnh của Thiên điều. Càn Khôn thế giới dắt dìu Tinh Quân là các cung đầu trong Càn Khôn thế giới này có Ngài vi chủ hết thầy.

Tinh quân thọ sắc thuở Phong Thần,  
Cho đến Đường triều mới biến thân.

Thái Bạch Kim Tinh đang trị thế,  
Trường Canh trích tử đến thăm trần,

Động đình thi rượu đong muôn đầu,  
Bồng Đảo Câu Tiên nắm một cần.

Vâng lệnh Ngọc Hư nay xuống thế,  
Tam Kỳ độ rồi các nguyên nhân.

&quot;Tinh quân thọ sắc thuở Phong Thần&quot; là Ngài đoạt ngôi vị cùng quyền hành của Ngài có sắc phong thiết hiện hồi đời Phong Thần. Cho đến Đường triều mới biến thân là đến đời Đường Ngài mới biến thân.

Thái Bạch Kim Tinh đang trị thế&quot; là vì nguyên linh ấy cầm quyền trị thế.

Trường Canh Trích Tử đến thăm trần.

Động Đình thi rượu đong muôn đầu

là nơi Động Đình hỏi đến Ngài thì thiên hạ đều biết danh Ngài hết.

Bồng Đảo Câu Tiên nắm một cần là nơi Bồng Đảo Ngài cầm Thiên Thai cho Khổng Giáo.

Vâng lệnh Ngọc Hư nay xuống thế là buổi Đại Đạo Tam Kỳ khai mở đây Ngài thọ lệnh Ngọc Hư đến trị Đạo.

Tam Kỳ độ rồi các nguyên nhân&quot; là (92) chín mươi hai ức nguyên nhân, thì Tam Kỳ này Ngài độ rồi.

Bản Đạo quên nói cái tiên tri của Ngài rất ngộ nghĩnh, thời buổi ấy Ngài đến dạy biểu Bản Đạo nghe lời, nếu hiền hữu không nghe lời, ngày kia cái tai họa ấy tiêu diệt hay đoạt Đạo thì

hiền hữu gánh trách nhiệm ấy nặng nề trước cả. Bàn Đạo buổi nọ không hiểu gì cả. Bàn Đạo nói toàn Thánh Thể Đức Chí Tôn cả triệu con người có sao một mình Bàn Đạo gánh vác. Nói tiên tri ấy là thời giờ Ngài giao quyền Giáo Tông này cho Bàn Đạo chưởng quản luôn Cửu Trùng Đài, nếu không nghe lời thì Bàn Đạo gánh hết. Nếu không nghe lời Ngài buổi nọ thì gánh này giao lại cho ai? Như giờ phút này có nên bỏ, chớ không thể sống với Đạo. Bàn Đạo xin nói thế gian này cầm quyền trị cơ quan chính trị đạo nào hay định luật trước dưới Bát Đạo Nghị Định lập nên chính trị của nước như Ngài, Bàn Đạo chưa ngó thấy Đức Lý ra Bát Đạo Nghị Định mà Ngài lập trọn vẹn hết, chúng ta cũng nên tôn sùng đáng kính, đáng sợ quá đôi Đấng cứu Đạo như thế, Bàn Đạo cũng khen kính Người ấy cho đến ngày tận thế.  
Nếu nền Đạo Cao Đài còn mãi mãi thì công nghiệp Đức Lý Giáo Tông vẫn còn tồn tại trong tâm trí nhơn sanh luôn luôn.”

\*\*\*

Năm nay, nền Đại Đạo sắp bước sang năm thứ 100, phân nửa trong thời gian đó, nền Đạo chịu kèm kẹp bởi chính quyền vô thần Cộng sản kể từ năm 1975, cấm đoán hoặc sửa cải chơn truyền mà trong đó Đức Lý Giáo Tông đã cùng Đức Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông dày công gây dựng, làm cho nền Đạo có xác mà không có hồn quá lâu. Đây là cơ thử thách quá sức tưởng tượng của tín đồ Cao Đài mà các Đấng đã tiên tri, chẳng hạn như:

“Chùng nào chi Pháp đã ra đi,

Lúc đó Đạo Trời gặp vận suy.

Chức sắc chuộng quyền hơn chuộng Đạo,

Nhơn sanh lo cốt chẳng lo bì...”

Cho đến nay, Đức Lý vẫn còn là Giáo Tông vô vi của Đạo cho đến ngày chuyển qua đời Giáo Tông kế tiếp tịch Đạo Tâm, chúng đệ tử thành tâm cầu nguyện Đức Ngài cùng Đức Hộ Pháp xoay chuyển máy huyền vi phục quyền Hội Thánh, cho nền Đạo sớm hồng khai khắp năm châu để nhân loại được hưởng hồng ân của Đức Chí Tôn đại ân xá kỳ ba này./.

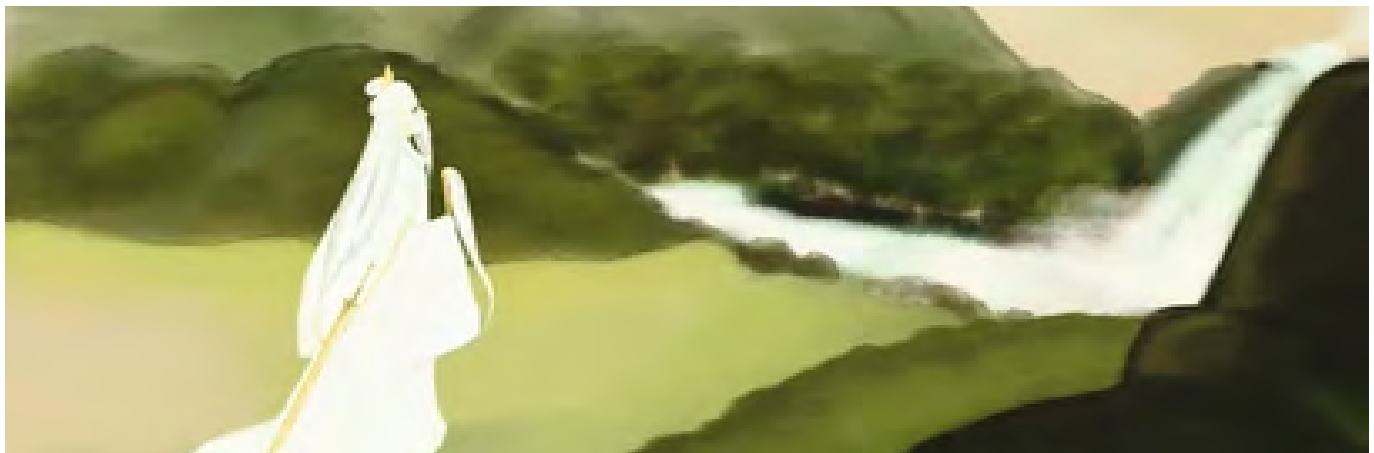
**Hoàn Nguyên Biên Soạn**

**San Jose 25/8/2024**

Tài Liệu Tham Khảo:

1.- Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp

2.- Cao Đài Từ Điển của HT Nguyễn Văn Hồng



# VƯỜN THƠ THẾ ĐẠO



Bá Huê Viên - Nội Ô Tòa Thánh

## **I.\*-TRĂNG RẪM TRUNG THU**

(Đại lễ Phật Mẫu-Rằm tháng 8 Giáp Thìn)

( *Thể bát vĩ đồng âm* )

Lồng lộng trời cao trăng sáng ngời  
Gió về mát dịu phủ ngàn nơi  
Trung Thu bánh mứt Nghệ Thường đợi  
Cộ diễn hoa đăng , trẩy hội mời  
Du khách trẻ già trông phấn khởi  
Nghệ nhân bông trái tạo vui đời  
Ngày rằm lễ Mẹ cao vời vợi  
Ban phước muôn loài được thành thời

**Hưng Quốc**

Texas 6-27-2024

## **HỌA 1. NHỚ MÙA HỘI YẾN**

Tháng tám trăng rằm sáng rạng ngời,  
Nhớ mùa Hội Yến tỏa muôn nơi.  
Ngày khai Đại Đạo\* Trời ân xá ;  
Lễ vía Mẹ sanh chúng thỉnh mời.  
Ban thường Trung Thu quà Tết trẻ,  
Lịnh bày Chơn pháp\*\* thuốc cho đời.

Thu này kỷ niệm trăm năm cũ,  
Bảo bọc con về chốn thành thời.

### **Hoàn Nguyên**

Portland OR-Jul.2nd 2024

\*Ngày mở Đạo: 15-8 Ất Sửu (1925)

\*\*Ý nghĩa Hội Yến: bí pháp đạt Đạo

## **HỌA 2. TRUNG THU CẦU NGUYỆN**

Tháng Tám Trung Thu tỏ rạng người  
Trăng rằm toả sáng khắp muôn nơi  
Ả Hằng e ấp nhìn xinh đẹp  
Chú Cuội gốc đa hớn hờ mời  
Trần thế tranh dành nhau ám hại  
Trẻ em lạc lõng giữa đường đời  
Lồng đèn xanh đỏ treo cầu nguyện  
Thánh thiện lòng người sống thả thơi ..

### **Yên Hà**

3/7/2024

## **Kỷ Niệm 100**

## **TRUNG THU HỘI YẾN**

*(Rằm tháng 8 Ất Sửu 1925-  
Rằm tháng 8 Giáp Thìn 1924)*

\*\*\*

Tháng 8 ngày Rằm năm Ất Sửu,  
Hội Bàn Đào tiệc rượu đãi Tiên  
Ngộ là kẻ tục người Trên,  
Hai bên cảm ứng diệu huyền làm sao!

Tiệc xong, Ngọc cơ cầu thần bút,  
Đức Diêu Trì Vô Cực xưng danh.  
Ba Ông (1) mới biết Mẹ Sanh,  
Vâng Thiên lệnh chỉ khai sinh Cao Đài .

Bằng cách mở tiệc trai Hội Yến,  
Ngự Hiệp Thiên xoay chuyển huyền vi  
Khai cơ tận độ Tam Kỳ,  
Cứu nhân độ thế kịp thì mạt vong.  
Mẹ nắm Pháp khai tông định Đạo,  
Giao Chí Tôn vĩnh bảo chơn truyền .  
Ba Ngài (1): Hộ Pháp trước tiên,  
Thượng Sanh,Thượng Phẩm đứng liền hai bên.  
Cầm sứ mạng nắm giềng Hội Thánh,  
Độ Nhơn sanh bá tánh toàn cầu ,  
Ngày này nhớ mãi về sau,  
Đại lễ Phật Mẫu, Trung Thu nhi đồng.  
Ngày Đại Đạo Tam tông nhứt bản,  
Cùng Ngũ chi phân tán phục nguyên,  
Điều Trì để pháp bí truyền,  
Môn đồ giác ngộ Hữu duyên Cao Đài.

Nay Bách niên hoằng khai mỗi Đạo,  
Tạ thâm ân Đấng Tạo hồn hài,  
Nguyện xin sống xứng phẩm người,  
Đại đồng huynh đệ muôn đời sống chung.  
Mở Bản tính thương cùng đồng loại,  
Trau Trí năng đến tại Lương tri,  
Cầu xin Thầy Mẹ Từ Bi,  
Long Hoa thi Hội gặp kỳ Long Vân.

**Hoàn Nguyên**

Fort Lauradale FL. 10 Aug.2024

(1) Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang

và Cao Quỳnh Cư

## **II.\*- VÍA LÝ BẠCH ĐẠI TIÊN**

(18-8 Giáp Thìn)

( *Thế cô nhận nhập quần* )

Trích tiên nhận sắc đáo trần gian  
Vâng lệnh Chí Tôn mở tịch thanh  
Nhất trấn Cao Đài an Việt quốc  
Thi hào Thái Bạch thịnh Đường danh  
Giáo Tông giềng mối gìn môn đệ  
Đại Đạo hoằng khai độ chúng sanh  
Thế giới trầm luân trong bể ngạn

Tín đồ cần mẫn hạnh tu nhanh  
**Hưng Quốc**  
Texas 7-4-2024

### **HỌA 1.-VÍA ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG**

Thái Bạch Kim Tinh giáng thể gian  
Giáo Tông Chưởng tịch Đạo Hương Thanh .  
Bút thần Phiên quốc kinh hồi số,  
Thi bá Đường triều sử tạc danh .  
Anh cả Cửu Trùng nâng Thánh thể,  
Quyền oai Nhứt Trấn độ quần Sanh.  
Nhờ Ngài Hộ Pháp cầm cương vững,  
Tân giáo Cao Đài phát triển nhanh .

**Hoàn Nguyên**

San Jose \* July 5th 2024

### **HỌA 2.- GIÁO TÔNG ANH CẢ**

Lừng danh Lý Bạch chốn phàm gian  
Thơ rượu một thời vẫn sáng thanh  
Đại Đạo Tam Kỳ vâng lệnh chiếu  
Giáo Tông anh cả đáng lưu danh  
Oai Nghiêm Nhứt Trấn gìn cương kỷ  
Luật lệ trong ngoài độ chúng sanh  
Mạc pháp trăm luân dìm bể khổ  
Cao Đài cứu thế hoằng khai nhanh ...

**Yên Hà**

22/8/2024

### **III.\*-VÍA KHÔNG THÁNH**

(Ngày 18-8 Giáp Thìn)

Lục quốc tranh hùng khổ cảnh trần  
Cứu đời Đức Khổng mở đạo Nhân .  
Tu thân trị quốc an thiên hạ;  
Trung thứ chính danh đắc vị thần.  
Chuyển thế Nho tông gầy Thánh Đức ,  
Xoay ngươn Đại Đạo tạo Tân Dân,  
Tinh hoa Tam giáo qui Thiên đạo ,  
Trước phải Nhơn luân tiến bước lần.

**Hoàn Nguyên**

Moses Lake-July 1st 2024

### **HỌA 1. ĐỨC KHỔNG TỬ**

Lục quốc chu du thuyết nghĩa nhân  
Dày công chỉ dạy thoát mê trần  
Tam tạng lối mở rèn tâm thánh  
Tứ đức dựng xây luyện ý thần  
Bách tính loạn ly mưu lũ ác  
Ngũ thường an định cứu muôn dân  
Tam Kỳ Đại Đạo hồng khai hiện  
Nho giáo cần chuyên phước báo lần

**Hưng Quốc**

Texas 7-1-2024

### **HỌA 2-VÍA KHỔNG THÁNH**

Lục quốc tranh nhau thắm cõi trần  
Cứu đời đức hạnh bậc oai nhân  
Tiên sư Khổng Thánh dùng hơn nghĩa  
Cảm hoá lòng tham đặc quả thần  
Chuyển thế Đạo Nho truyền khắp chốn  
Thanh liêm chánh trực hợp lòng dân  
Trọng Ni Khổng Tử luôn ghi nhớ  
Đại Đạo lưu danh xuất chúng lần ...

**Yên Hà**

3/7/2024

### **HỌA 3. ĐỨC THÁNH KHỔNG**

Đem thân nhập thế cõi dương trần,  
Ngô đạo quán chi nhất nghĩa nhân.  
Thập ngũ chí vụ nhị thập học,  
Tam tuần nhi lập tứ tuần thân.

Tận tri thiên mệnh nhĩ nhi thuận,  
Sở dục tòng tâm lão thọ dân.  
Trung thứ cương thường luôn giữ vẹn,  
Tề gia trị quốc chuyển xoay lần.

Đỗ Chiêu Đức

kính họa

07-02-2024

\* Mời đọc bài viết sau để hiểu ý của bài thơ :

Phiếm luận :

## ĐỨC KHỔNG TỬ NÓI VỀ MÌNH



萬世師表 VẠN THẾ SƯ BIỂU

Mùng 5 tháng 8 Âm lịch là ngày sinh của Đức Khổng Phu Tử. Năm nay nhằm ngày Thứ Bảy, 07 tháng 9 -2024 Dương lịch. Cuộc đời của ông Thánh này cũng lắm gian truân chìm nổi cũng như cuộc đời của bao người khác, Ông mất lúc 73 tuổi, là tuổi thượng thọ lúc bấy giờ, và để lại một câu nói bất hủ thu tóm toàn bộ cuộc đời của ông như sau...

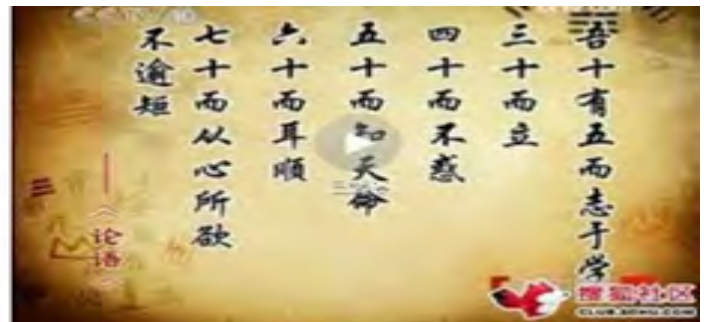


《論語·為政第二》講要.

◎子曰：吾，十有五，而志于學，三十而立，四十而不惑，五十而知天命，六十而耳順，七十而從心所欲，不踰矩。

[ LUẬN NGŨ. VI CHÍNH đệ nhị ] Giảng Yếu.

@ TỬ viết : Ngô, thập hữu ngũ, nhi chí vu học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoạc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tông tâm sở dục, bát du cử.



CHÚ THÍCH :

TỬ VIẾT 子曰 : là Khổng Tử Nói rằng.

NGÔ 吾 : là Đại Danh từ Ngôi thứ Nhất : Tôi, Ta, Tao...

NHI 而 : là Thì, Là ( Verbe Auxilière ).

VU 于 : là Về.. cái gì đó. Ở... việc gì đó.

LẬP 立 : là Lập Thân, là Đứng vững được trong cuộc sống, là Thành Tài rồi. Có sự nghiệp, có công ăn việc làm rồi.

BÁT HOẶC 不惑 : là Không còn Nghi Hoạc, Ngờ Vực gì nữa. Chỉ Kiến thức đã chín chắn, ổn định.

TRI THIÊN MỆNH 知天命 : là biết được cái Mệnh Trời, An phận theo cái mình đã có, theo khả năng của mình , mà không đòi hỏi, so bì, bon chen nữa !.

NHIỄ THUẬN 耳順 : là Lỗ Tai Xuôi, có nghĩa là đã biết phân biệt một cách rõ ràng, nghe điều gì đó là biết ngay điều đó tốt hay xấu, thiện hay ác, đúng hay sai....

TÔNG TÂM SỞ DỤC 從心所欲 : TÔNG TÂM là Theo Lòng Mình. SỞ DỤC là Cái mà Mình Muốn. TÔNG TÂM SỞ DỤC là Làm những cái mà lòng mình muốn làm, có nghĩa Muốn gì thì cứ làm nấy !

BÁT DU CỬ 不踰矩 : DU 踰 có bộ TÚC là Cái Chân ở bên Trái, nên Du có nghĩa là TRÈO QUA. Trong TRUYỆN KIỀU giảng tích “ TƯỜNG ĐÔNG ong bướm đi về mặc ai “ bằng câu “ DU đông lân nhi lâu kì xứ nữ 踰東鄰而摟其處女”, tức là “ TRÈO QUA bức tường phía đông để ôm lấy cô gái bên đó.”. Nhưng...

... trong câu nói trên DU có nghĩa là VƯỢT QUA. Còn...

CỦ 矩 : là Cái Khuôn dùng để kẻ Hình Vuông, là Cái Ê-Ke. Nghĩa bóng là Cái Khuôn Phép. Nên ...

BÁT DU CỬ là : Không vượt qua cái khuôn phép đúng đắn bình thường trong cuộc sống.

Sẵn nhắc lại chữ ...

QUY 規 : là Dụng cụ dùng để kẻ đường tròn, là Cái COM-PA đó.



Nên...

Không có QUY 規 thì vẽ không Tròn, không có CỬ 矩 thì kẻ không Vuông. Nên QUY CỬ là cái khuôn phép mà ta phải tuân theo. NỘI QUY là những điều khoản QUY ĐỊNH của một Tổ chức, Cơ quan... nào đó mà tất cả thành viên trong đó phải tuân hành. Nên câu nói của Đức Khổng Tử...

Có thể hiểu nghĩa một cách đơn giản như thế này :

Khổng Tử nói rằng : Ta, lúc 15 tuổi, thì chỉ ở học hành, 30 tuổi thì đã lập thân được, 40 tuổi thì không còn nghi hoặc điều gì nữa, 50 tuổi thì biết đến mạng trời, 60 tuổi thì nghe đã biết điều phải trái, 70 thì có thể làm theo những gì mà trong lòng mình muốn, vì nó không có đi quá lộ ngoài khuôn phép nữa .

Đây là câu nói của Đức Khổng Tử nói về bản thân Ngài, nhưng thường được người đời đem ví với bản thân mình, thậm chí đem... áp dụng chung cho tất cả mọi người, cho nên ta thường nghe nói...

... Ba chục tuổi là tuổi Lập Thân, Năm chục tuổi là tuổi Tri Thiên Mệnh... thậm chí nói Tam Thập Nhi Lập là... Đản Ông con trai tới tuổi ba mươi là phải lấy vợ, phải lập gia đình, thì mới lập thân được, nhưng vì điều này cũng hợp lí và thực tế , cho nên mọi người đều noi theo. Tôi còn nhớ một câu Nho mà Ba tôi thường nói khi... ép tôi cưới vợ là :  
Nam đại bất hôn như liệt mã vô cương. 男大不婚如劣馬無韁 !

Có nghĩa :

Con trai lớn mà không kết hôn thì giống như con ngựa chững ( LIỆT MÃ là con ngựa xấu, ngựa chững ! ) mà không có giây cương vậy ( sẽ phóng càn, phóng ẩu, phóng đại, phóng... túng, vì không có ai kèm chế. Cưới cho con vợ để có người “ cần nhân “ và xì-tóp bớt lại, thì mới TRỤ và mới làm nên sự nghiệp được ! ). Nên ông bà ta cứ nghĩ



TAM THẬP NHI LẬP là 30 tuổi thì phải Lập Gia Đình, không lập gia đình thì... Nó sẽ nổi máu “ giang hồ “ rồi không làm nên cơm cháo gì cả ! . Còn

Ngũ Thập Tri Thiên Mệnh, là đến tuổi 50 nên an phận mà không còn muốn bon chen nữa, vì số trời đã định như thế rồi ! Sự thật thì ở MỸ hiện nay, tuổi 50 là tuổi đã chín chắn về mọi mặt, kiến thức đã phong phú, kinh nghiệm sống dồi dào, nghề nghiệp đã vững chắc ổn định, tiềm năng về kinh tế cũng đã có cơ sở, credit đầy đủ ... chính là cái tuổi phát triển sự nghiệp tốt nhất của con người.... chớ không phải Tri Thiên Mệnh mà buông xuôi tất cả !!! . Không Tử chỉ muốn nói về mình, khi đến 50 tuổi thì biết được mệnh trời, tức là **biết được cái hoàn cảnh xã hội chung quanh mình đang sống, biết được cái khả năng và cái tài năng của mình như thế nào, để không đòi hỏi đưa đòi những điều quá đáng mà phải biết an phận với cái mà mình đang có trước mắt hợp với sở năng của mình**, chớ không phải mê tín buông xuôi cho số phận ! . Về ...

TỨ THẬP NHI BẤT HOẶC : 40 tuổi thì không còn NGHI HOẶC gì nữa, Ý nói, tuổi 40 thì sự hiểu biết đã CHÍN CHẮN, gặp chuyện gì đó đã biết và dám đưa ra quyết định theo nhận thức của mình, chớ không còn NGHI HOẶC chần chừ không biết phải quyết định như thế nào của tuổi 30 nữa ! BẤT HOẶC là thế !

LỤC THẬP NHI NHĨ THUẬN là : 60 tuổi thì tai đã xuôi, đã thông. Có nghĩa : Khi nghe điều gì đó thì đã biết ngay là điều đó đúng hay sai, phải hay không phải, nên hay không nên nghe theo, cũng có nghĩa là sự nhận xét phán đoán đã thuần nhuyễn. Trái với NHĨ THUẬN là NHĨ NGHỊCH là Trái Tai Gai Mất !

THẤT THẬP NHI TÒNG TÂM SỞ DỤC, BẤT DU CỬ là : 70 tuổi thì có thể làm theo những điều gì mà mình đã nghĩ đã muốn làm, vì những điều đó không có vượt quá qua khuôn phép đâu ! Ý muốn nói, trong phép tu thân thì đến tuổi 70 đã hoàn hảo lắm rồi, có thể làm theo những gì mình muốn mà không sợ quá đáng ! Đây là câu nói hướng thiện, luôn luôn theo hướng phấn đấu tốt mà vươn lên, chớ không phải câu nói TỰ HAO là mình đã HOÀN THIỆN không còn sai sót nữa ! Và cũng không có

nghĩa là hễ đến 70 tuổi là làm việc gì cũng đúng cả như người đời thường lầm tưởng ! Vì là câu nói của ông Thánh, cho nên người đời hay lấy đó làm chuẩn mực để phân định tuổi tác của mọi người, mặc dù cái chuẩn mực đó đã bị lệch ngĩa so với Ý chính của câu nói ở lúc ban đầu, như...

Tuổi 30 thì gọi là Tuổi NHI LẬP, và hiểu là đã đến tuổi phải Lập Gia Đình, phải Thành Gia Lập Thất, phải Cưới Vợ, phải Ổn Định Sự Nghiệp... Tức là phải LẬP THÂN, LẬP NGHIỆP, LẬP GIA.



Tuổi 40 thì gọi là tuổi BẤT HOẶC, và gọi thì gọi thế, nhưng rất nhiều người không hiểu Bất Hoặc là gì, chỉ nghe người ta gọi thì gọi theo mà thôi ! Hoặc chỉ hiểu nghĩa lơ mờ, Bất Hoặc là không còn nghi hoặc gì nữa, mà không biết tại sao lại không còn nghi hoặc, và tại sao lại gọi thế ?! Vì sự hiểu biết đã chính chắn rồi, dám phán đoán, dám quyết định, nên không còn NGHI HOẶC điều gì nữa !

Thông dụng nhất là tuổi 50, được gọi là Tuổi TRI THIÊN MỆNH, và thường hay có tâm lý an phận và buông xuôi mà không muốn phấn đấu để vươn lên nữa ! Và cũng thường dùng để tự an ủi khi thất bại hoặc trặc trở về mặt sự nghiệp trong độ tuổi này !.

Sáu mươi tuổi thì gọi là Tuổi Nhĩ Thuận, NHĨ THUẬN là xuôi tai, nhưng lại nghe rất lạ tai, mà không hiểu tại sao gọi thế, (Xuôi Tai vì nghe điều gì đó đã phân biệt được thị phi, phải trái, đúng sai ...) cũng như...

Tuổi 70, thì gọi là Tuổi TÒNG TÂM SỞ DỤC, BÁT DU CỬ ! Rất nhiều người không hiểu câu nói này có nghĩa gì cả ! Khác với dân gian hay gọi 70 tuổi là tuổi CỔ LAI HY, theo Ý của 2 câu thơ trong bài KHÚC GIANG 曲江 của Thi Thánh ĐỖ PHỦ 杜甫 đời Đường là :

*Từ trái tâm thường hành xít hữu,*

*Nhân sanh thất thập CỔ LAI HY. 人生七十古來稀.*

....nghe thi vị và hay hơn nhiều !

Nhưng...

Vì là câu nói của ông Thánh Khổng nên mọi người đều muốn nhái theo xem có được như... Thánh hay không ? Âu cũng là việc bình thường mà thôi !

Theo tài liệu thống kê dân số đời Đường, thì tuổi thọ của con người ta lúc bấy giờ chỉ trên dưới 45 tuổi mà thôi, nên mới bảo là “ Thất thập Cổ Lai HY “, rồi gọi trại đi là “Tuổi Cổ Lai”, “Tuổi Cổ Hi”... chớ bây giờ, nhất là ở nước MỸ này thì 70 tuổi hể ra đường là thấy liền ngay mấy cụ...

Càng ngày tuổi thọ con người càng cao, nên ngày LỄ ÔNG BÀ càng cần thiết và càng có Ý nghĩa hơn lên.

杜紹德

**Đỗ Chiêu Đức**



# VỀ ĐẸP TRUYỀN THỐNG CỦA TẾT TRUNG THU TRONG VĂN HÓA VIỆT



*Bánh Trung Thu. (Ảnh: Nguyen Kien)*

Trải qua ngàn năm lịch sử, Rằm tháng Tám đi vào ký ức của người Việt với những nét đẹp truyền thống thể hiện tín ngưỡng tôn kính Thần linh.

## **Nguồn gốc Tết Trung Thu**

Tết Trung Thu có lịch sử lâu đời, cũng giống với các lễ hội truyền thống khác, cũng từ từ được hình thành và phát triển. Trong văn hoá tín ngưỡng của người Việt cổ, Rằm tháng Tám là dịp con người thế gian làm lễ tế Thần mặt trăng.

Theo các nhà khảo cổ thì hình ảnh về Trung Thu đã được in trên mặt trống đồng Ngọc Lũ. Người Trung Hoa cổ đại cho rằng Tết Trung Thu bắt nguồn từ thời Xuân-Thu. Có lẽ Trung Thu được bắt đầu từ nền văn minh lúa nước của đồng bằng Nam Trung Hoa và đồng bằng châu thổ sông Hồng của Việt Nam, là một ngày lễ hội mừng thu hoạch được mùa, vào lúc nông dân nghỉ ngơi và vui chơi sau một vụ mùa vất vả.

Trong sách ‘Việt Nam phong tục’ của Phan Kế Bính viết, tục treo đèn bày cỗ bắt nguồn từ điển tích về vua Đường Minh Hoàng. Vào ngày sinh nhật vua Đường Minh Hoàng, truyền



*Bức họa thời Tống mô tả trẻ em chơi trung thu. (Ảnh: Phạm vi công cộng)*

cho thiên hạ đầu đầu cũng treo đèn và bày tiệc ăn mừng, từ đó thành tục.

Tục rước đèn có từ đời nhà Tống, tục truyền: Trong đời vua Tống Nhân Tông, có con cá chép thành yêu, cứ đêm trăng hiện lên biến thành con gái để đi hại người. Bấy giờ có viên quan Bao Công mới hạ lệnh cho dân gian làm đèn con cá giống như hình của nó rồi đem mang ra chơi ngoài đường để cho nó sợ mà không dám hại người.

Cũng theo Phan Kế Bính, tục hát trống quân có từ đời vua Quang Trung Nguyễn Huệ, “nguyên khi ông đem quân ra Bắc. Quân sĩ lắm kẻ nhớ nhà. Nguyễn Huệ mới bày ra một cách cho đôi bên giả làm trai gái, hát đối đáp với nhau để cho quân sĩ vui lòng mà đỡ nhớ nhà. Có đánh trống làm nhịp, cho nên gọi là trống quân”.

### **Ngắm trăng thưởng nguyệt**

Trong sách Việt Nam phong tục, “dân ta thế kỷ 19, ban ngày làm cỗ cúng gia tiên, tối đến bày cỗ thưởng trăng. Đầu cỗ là bánh mặt trăng và dùng nhiều thứ bánh trái hoa quả, nhuộm

các màu sắc sỡ, xanh đỏ, trắng và vàng. Con gái ở phố thi nhau tài khéo, gọt đu đủ thành các thứ hoa, nặn bột làm con tôm, con cá voi...”.

Tết Trung Thu là dịp mà trẻ em mong ngóng. Bởi chúng sẽ được thỏa thích với những món đồ chơi là các thứ bỏi bằng giấy như bướm bướm, mặt nạ, bọ ngựa, voi, ngựa, kỳ lân, sư tử, rồng, hươu, tôm, cá,... Trẻ em buổi tối đêm trung thu, dắt díu nhau kéo co, bắt cái hồ khoan, rước đèn, rước sư tử, trống, thanh la.

Cũng trong dịp này người ta cũng sắm mâm cỗ để cúng tổ tiên. Đồng thời trong ngày này, mọi người thường biếu cho ông bà, cha mẹ, thầy cô, bạn bè, họ hàng... bằng bánh Trung Thu, hoa quả, trà và rượu.

Thời xưa, người Việt còn tổ chức hát Trống Quân và treo đèn kéo quân trong dịp tết Trung Thu. Điệu hát trống quân theo nhịp ba “thình, thùng, thình”.

### **Đêm Trung Thu rước đèn và múa Lân**

Tại một số vùng nông thôn Việt Nam, nơi xóm làng quần tụ, người ta thường tổ chức cho trẻ em cùng nhau rước đèn đi khắp thôn, xóm, khu phố trong đêm trung thu.

Tục rước đèn đã có từ ngàn đời thể hiện văn hoá truyền thống của người Việt. Ngày nay mỗi dịp tết Trung Thu, trẻ em nô nức, háo hức được cầm trong tay chiếc đèn lồng với nhiều hình dạng màu sắc bắt mắt.

Tại Phan Thiết (Bình Thuận), người ta tổ chức rước đèn quy mô lớn với hàng ngàn học sinh tiểu học và trung học cơ sở diễu hành khắp các đường phố, lễ hội này được xác lập kỷ lục lớn nhất Việt Nam.

Múa lân hay còn gọi là múa sư tử thường được tổ chức vào trước tết Trung Thu nhưng nhộn nhịp nhất là hai đêm 15 và 16.

### **Mâm cỗ tết Trung Thu của người Việt**

Mâm cỗ Trung Thu thông thường có bưởi, bánh nướng, bánh dẻo. Tùy theo phong tục vùng miền mà có sự phong phú hơn trong cách bày mâm cỗ. Có nơi dùng tép bưởi để tạo hình con chó, xung quanh được trang trí thêm bánh có hình lợn mẹ và đàn lợn con mũm mĩm, trái cây như bưởi, na dai, hồng ngâm... được bày đầy đặn lên mâm cỗ. Đây là biểu tượng cho sự no ấm, đủ đầy. Hình cá chép là hình phổ biến dường như không thể thiếu trong mâm cỗ của người Việt xưa.

Trong dân gian, người ta thường dùng hạt bưởi phơi khô để đốt sáng. Đến khi trăng lên tới





*Bánh trung thu. (Ảnh: NguyenKien/Epoch Times Tiếng Việt)*

đỉnh đầu chính là giây phút phá cỗ, mọi người sẽ cùng thưởng thức hương vị của tết Trung Thu. Phong tục trông trăng cũng liên quan đến sự tích Chú Cuội trên cung trăng, do một hôm Cuội đi vắng, cây đa quý bị bật gốc bay lên trời, chú Cuội bèn bám vào rễ cây níu kéo lại nhưng không được và đã bị bay lên cung trăng. Nhìn lên Mặt Trăng, có thể thấy một vết đen rõ hình một cây cổ thụ có người ngồi dưới gốc. Trẻ em tin rằng, đó là hình chú Cuội ngồi gốc cây đa.

### **Các loại bánh trung thu**

Người xưa gọi bánh nướng, bánh dẻo là Nguyệt Bính, hay bánh Vàng Trắng. Đêm Trung thu, phụ nữ bày cỗ trông trăng, trở tài gọt tía hoa quả, nặn bột thành con giống, đặc biệt là làm bánh nướng, bánh dẻo...

Bánh nướng được làm với lớp vỏ bánh là bột mì và có chút dầu ăn. Trước kia tại Việt Nam nhân bánh nướng thường là nhân thập cẩm, có chút lá chanh thái chỉ, thịt mỡ, mứt, hạt dưa, lạc xường.

Sau khi nặn bánh, ép khuôn, bánh được cho vào lò nướng. Sau đó bánh được dỡ ra, làm

ngươi, phết lòng đỏ trứng gà lên rồi cho vào nướng tiếp.

Theo truyền thống bánh dẻo được làm với vỏ bánh là bột gạo nếp rang xay mịn, nước đường kính trắng đun sôi để nguội, nước hoa bưởi. Nhân bánh làm từ các thực phẩm, nguyên liệu đã chín. Bánh được nặn xong ép khuôn và có thể sử dụng ngay không cần cho vào lò nướng.

Dưới ánh trăng thu sáng vàng vạc, gia đình quần tụ đoàn viên bên mâm cỗ ngày tết Trung Thu, phá cỗ ngắm trăng.

Tết Trung Thu có ý nghĩa rất lớn, có giá trị truyền thống đặc biệt. Đây là dịp con người thế gian bày tỏ lòng cảm ân đối với Thần linh đã che chở bảo hộ để có cuộc sống đầy đủ ấm no. Dịp tết này cũng là lời tri ân và tôn vinh giá trị gia đình truyền thống thể hiện tình yêu thương và sự quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

**Trần Tâm Di**  
**Hân Bình biên dịch**



*Quang cảnh Lễ Hội Yên Diêu Trì Cung - Rằm tháng Tám ở Tòa Thánh Tây Ninh*